

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIETNAM

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

40 NĂM
**XÂY DỰNG
& PHÁT TRIỂN**



<https://www.ipvietnam.gov.vn>



CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

40 NĂM
**XÂY DỰNG
& PHÁT TRIỂN**



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



Tâm nhìn:

*Đãn dắt hệ sinh thái sở hữu trí tuệ
vì sự phát triển kinh tế nhanh và bền vững.*

Sứ mệnh:

*Xây dựng và vận hành hệ thống
sở hữu trí tuệ quốc gia thân thiện và hiệu quả.*





NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

D29 Phạm Văn Bạch, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 02422147825

Website: nxbthanhvien.vn * Email: nxbthanhvieninfo@gmail.com

Chi nhánh: 145 Pasteur, Phường 6,

Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 02839106963

TÊN SÁCH

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

40 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

Giám đốc - Tổng Biên tập: LÊ THANH HÀ

Biên tập: CHU QUANG KHÁNH

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

In và gia công 500 cuốn, khổ 20.8x29.5 cm,

tại: Công ty TNHH TM&DV Hoàng Bảo Châu

In xong và nộp lưu chiểu năm 2022

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
PHẦN 1. CHẶNG ĐƯỜNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN	7
Giai đoạn trước 1982: Trước khi thành lập Cục Sáng chế	7
Giai đoạn 1982 - 1993: Xây dựng và phát triển Cục Sáng chế	10
Giai đoạn 1993 - 2003: Xây dựng và phát triển Cục Sở hữu công nghiệp	19
Giai đoạn 2003 đến nay: Xây dựng và phát triển Cục Sở hữu trí tuệ	30
PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	46
Triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030	46
Xây dựng và vận hành hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia thân thiện và hiệu quả	48
PHỤ LỤC	54
Cơ cấu tổ chức Cục Sở hữu trí tuệ qua các thời kỳ	54
Lãnh đạo Cục qua các thời kỳ	57
Số liệu thống kê	63



CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Intellectual Property Office of Viet Nam
(IP VIET NAM)

Địa chỉ: 384-386 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Tổng đài: 024 3858 3069

Fax: 024 38 588 449

Website: www.ipvietnam.gov.vn

LỜI NÓI ĐẦU

Đã tròn 40 năm kể từ ngày 29 tháng 7 năm 1982, thời điểm đánh dấu sự ra đời của Cục Sáng chế, nay là Cục Sở hữu trí tuệ. Trong suốt quãng thời gian ấy, Cục Sở hữu trí tuệ đã nhận được sự quan tâm của Chính phủ, sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây là Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước) và sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan trong và ngoài nước. Đây là những điều kiện cần thiết để các thể hệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Cục Sở hữu trí tuệ nỗ lực làm việc, không ngừng sáng tạo, qua đó góp phần quan trọng cho sự phát triển của lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói riêng, sự nghiệp khoa học, công nghệ và kinh tế - xã hội của đất nước nói chung. Đó là lý do vì sao, trong suốt con đường phát triển, Cục Sở hữu trí tuệ luôn xứng đáng là cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập, Cục Sở hữu trí tuệ biên soạn cuốn **“Cục Sở hữu trí tuệ: 40 năm xây dựng và phát triển”**, một ấn phẩm điểm lại quá trình hình thành, phát triển và đóng góp của Cục đối với ngành khoa học và công nghệ cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cùng với việc kỷ niệm dấu mốc quan trọng trong quá trình phát triển, cuốn sách này là lời tri ân các thể hệ cán bộ đã từng công tác, cống hiến sức lực và trí tuệ của mình để xây dựng cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia của Việt Nam, đồng thời ghi nhận những nỗ lực không ngừng của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Cục đang và sẽ tiếp nối truyền thống quý báu đó.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn **“Cục Sở hữu trí tuệ: 40 năm xây dựng và phát triển”** tới Quý vị nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập Cục Sở hữu trí tuệ!

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ



PHẦN 1. CHẶNG ĐƯỜNG XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

GIẢI ĐOẠN TRƯỚC 1982: TRƯỚC KHI THÀNH LẬP CỤC SÁNG CHẾ

Phong trào sáng kiến - cải tiến kỹ thuật, bước khởi động cho hoạt động sở hữu trí tuệ sau này tại Việt Nam, đã trở thành nhân tố tất yếu của quá trình đưa những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào đời sống và hoạt động sản xuất. Đó là tiền đề để Chính phủ quyết định thành lập Phòng Sáng chế phát minh - đơn vị này sau đó trở thành Cục Sáng chế (nay là Cục Sở hữu trí tuệ) nằm dưới sự quản lý trực tiếp của Ủy ban Khoa học Nhà nước.



*Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm triển lãm thành tích cải tiến kỹ thuật của công nhân Thủ đô (ngày 23/5/1959).
Ảnh: hanoimoi.com.vn*

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO SÁNG KIẾN

Cách đây hơn 60 năm, khi tình hình kinh tế - xã hội ở miền Bắc đã dần ổn định và có chuyển biến tích cực, song giá trị sản lượng công nghiệp mới chỉ chiếm gần 20% tổng giá trị sản lượng công nông nghiệp, chất lượng sản phẩm còn chưa cao và năng suất lao động còn thấp¹. Trước thực tế này, Trung ương Đảng và Chính phủ nhanh chóng xác định: việc phát triển khoa học kỹ thuật nói chung và việc cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất nói riêng sẽ là

một trong những giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề đó. Với chủ trương ấy, ngay từ giai đoạn mới thành lập, Ủy ban Khoa học Nhà nước đã có một đơn vị trực thuộc là Phòng Sáng kiến cải tiến kỹ thuật (sau này được tổ chức lại thành Bộ phận thường trực Hội đồng giám định sáng kiến phát minh).

Và để thúc đẩy hoạt động này, từ năm 1959 đến 1965, Hội đồng Chính phủ đã ban hành một loạt văn bản, tiêu biểu là Chỉ thị số 105-TTg ngày 11/3/1959 và Chỉ thị số 320-TTg ngày 15/12/1960 về việc tổ chức và lãnh đạo phong trào cải tiến kỹ thuật, sáng kiến - phát minh của quần chúng, cũng như Chỉ thị 07-TTg

(1) Nguồn: <https://www.most.gov.vn/vn/pages/lichsuphattrien.aspx?IDNews=6256>

ngày 22/01/1963 về việc nghiên cứu, bổ sung chế độ khen thưởng sáng kiến phát minh và bồi dưỡng thi đua nhằm hướng dẫn chi tiết hơn nhiệm vụ cho các Bộ, ngành. Với những chính sách mới, Ủy ban Khoa học Nhà nước đã từng bước đảm nhận trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động sáng kiến, phát minh trong cả nước.

Đến năm 1964, Hội đồng xét duyệt sáng kiến Trung ương đã được thành lập với các thành viên gồm đại diện Ủy ban Khoa học Nhà nước, Tổng Công đoàn, Bộ Lao động, Văn phòng thi đua Trung ương thuộc Phủ Thủ tướng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng với một số nhà khoa học có tên tuổi. Cùng với việc thành lập Hội đồng này, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước cũng quyết định thành lập Văn phòng thường trực của Hội đồng xét duyệt sáng kiến Trung ương - đơn vị này sau đó trở thành bộ phận chuyên trách công tác sáng kiến và thường được gọi là Ban sáng kiến. Theo đó, Ban sáng kiến đã phối hợp với các bộ phận liên quan tập trung thực hiện nhiều biện pháp nhằm xây dựng và phát triển phong trào sáng kiến của quần chúng như chỉ đạo việc thành lập Hội đồng xét duyệt sáng kiến các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách công tác sáng kiến; nghiên cứu sửa đổi các chế độ khen thưởng sáng kiến.

Kết quả lớn nhất của sự phối hợp đó là việc soạn thảo và trình Chính phủ ban hành Nghị định 20/CP ngày 08/02/1965 về “Điều lệ khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và cải tiến nghiệp vụ công tác”. Đây không chỉ là sự kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật - hợp lý hóa sản xuất ở nước ta, mà còn là lần đầu tiên Chính phủ ban hành một văn bản đề cập tương đối cụ thể đến chế độ khen thưởng sáng kiến, trong đó quy định rõ khái niệm cũng như mức khen thưởng đối với từng loại sáng kiến, cách xác định mức thưởng và trả thưởng, quyền hạn thẩm tra và quyết định mức thưởng của thủ trưởng các ngành, các cấp. Nghị định còn quy định rõ trách nhiệm của lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương đối với công tác sáng kiến, trong đó Ủy ban Khoa học Nhà nước được giao trách

nhiệm “tổ chức tốt việc đăng ký, xác minh, phổ biến và áp dụng sáng kiến trong phạm vi cả nước”, trở thành cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Với nhiệm vụ này, bộ phận Sáng kiến - Phát minh của Ủy ban đã khẩn trương soạn thảo các văn bản giải thích và cụ thể hóa Nghị định 20/CP, ví dụ như trình Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước ban hành Thông tư số 567/KHKT-PMSK ngày 09/7/1966 về việc tổ chức đăng ký, xác minh, áp dụng, phổ biến và khen thưởng sáng kiến.

Từ những chính sách kịp thời này, các phong trào cải tiến kỹ thuật của quần chúng ngày càng nở rộ. Đến đầu những năm 1970, các phong trào đã phát triển sâu rộng đến mức đòi hỏi phải có một bộ phận chuyên trách đủ mạnh để giúp lãnh đạo Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước tổ chức chỉ đạo hoạt động sáng kiến trong phạm vi cả nước. Trong bối cảnh đó, năm 1973, Phòng Sáng chế phát minh đã được thành lập nhằm tổ chức và chỉ đạo phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, khắc phục tình trạng tự phát, tản mạn và xây dựng chiến lược phát triển lâu dài. Vai trò của Phòng Sáng chế phát minh càng được khẳng định rõ sau hai hội nghị quan trọng là: Hội nghị sáng kiến các tỉnh, thành phố toàn miền Bắc tại Hải Phòng (một trong số những địa phương có phong trào sáng kiến phát triển mạnh nhất lúc bấy giờ) vào ngày 2-3/10/1973; và Hội nghị tăng cường công tác sáng kiến trong một số xí nghiệp, cơ quan thuộc Bộ, Tổng cục vào ngày 8-9/01/1974.

ĐÁNH DẤU GIAI ĐOẠN MỚI TRONG HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO KHOA HỌC KỸ THUẬT

Dù đã có những bước tiến đáng kể, song, đứng trước đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa và cải tiến kỹ thuật, những người lãnh đạo của Phòng Sáng chế phát minh nhận ra: không thể chỉ dừng lại ở các vấn đề sáng kiến, cải tiến kỹ thuật mà nhất thiết phải đề cập đến công tác sáng chế, bảo hộ sáng chế nếu muốn phát huy hơn nữa tinh thần sáng tạo của người dân.

PHÒNG SÁNG CHẾ PHÁT MINH VỚI HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

1959: Thành lập Ủy ban Khoa học Nhà nước trong đó có Phòng Sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

11/3/1959: Chỉ thị số 105/TTg của Thủ tướng Chính phủ về “tổ chức và lãnh đạo phong trào cải tiến kỹ thuật, sáng kiến phát minh của quần chúng”.

22/01/1963: Chỉ thị số 07/TTg về bổ sung chế độ khen thưởng sáng kiến phát minh và bồi dưỡng thi đua.

1964: Thành lập Văn phòng thường trực của Hội đồng xét duyệt sáng kiến Trung ương (Văn phòng đặt tại Ủy ban Khoa học Nhà nước và thường được gọi là Ban sáng kiến).

08/02/1965: Nghị định 20/CP về Điều lệ khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật,

hợp lý hóa sản xuất và cải tiến nghiệp vụ công tác.

09/7/1966: Thông tư số 567/KHKT-PMSK của Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước về tổ chức đăng ký, xác minh, áp dụng, phổ biến và khen thưởng sáng kiến.

1973: Ban Sáng kiến được đổi tên thành Phòng Sáng chế phát minh.

13/10/1975: Nghị định 192/CP về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, trong đó Phòng Sáng chế phát minh là đơn vị trực thuộc.

23/01/1981: Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế ban hành kèm theo Nghị định số 31/CP của Hội đồng Chính phủ.

Đó là lý do Phòng Sáng chế phát minh đã đề xuất một số kiến nghị mới về công tác sáng chế - phát minh, trong đó nhấn mạnh vào vai trò quan trọng của hoạt động sáng chế trên thế giới và việc “đã đến lúc nước ta phải ban hành Luật Sáng chế”. Trên cơ sở đề án tăng cường Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, một đề nghị về việc cho phép thành lập Cục Sáng chế đã được trình lên Hội đồng Chính phủ xem xét. Bên cạnh đó, các công tác liên quan đến hoạt động bảo hộ sáng chế cũng bắt đầu được triển khai như: tổ chức gửi đi xét nghiệm một vài đề nghị cải tiến kỹ thuật có tính chất sáng chế, tiếp nhận 25.000 bản mô tả sáng chế của Cộng hòa dân chủ Đức.

Nhằm củng cố và đẩy mạnh hơn nữa hoạt động sáng kiến đã có và nhanh chóng triển khai hoạt động bảo hộ sáng chế ở Việt Nam, từ năm 1980, Phòng Sáng chế phát minh đã khẩn trương nghiên cứu và bắt tay vào việc soạn thảo một văn bản quy định về bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa. Sau một thời gian chuẩn bị, văn bản mà Phòng Sáng chế phát minh soạn thảo đã được Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đồng ý trình Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 31/CP ngày 23/01/1981 kèm theo Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và sáng chế.

Vậy là lần đầu tiên, ngoài những quy định về chế độ khen thưởng hay tổ chức chỉ đạo hoạt động sáng kiến như trước đây, Nghị định 31/CP đã đề cập đến việc bảo hộ sáng chế - một trong những đối tượng quan trọng nhất trong số các đối tượng sở hữu công nghiệp. Cụ thể, Điều lệ đã thể chế hóa quyền sáng tạo và các quyền lợi có liên quan của công dân theo tinh thần của Hiến pháp mới (1980) bằng việc quy định công tác tổ chức, quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế từ khâu tạo ra sáng kiến - sáng chế cho đến việc đăng ký, xét công nhận, áp dụng, tính toán hiệu quả kinh tế do sáng kiến - sáng chế đem lại. Và do tất cả các khâu này có quan hệ chặt chẽ với nhau, nó cũng dẫn đến một đòi hỏi tất yếu là phải xây dựng một hệ thống quản lý và chỉ đạo thống nhất trên phạm vi cả nước.

Đây chính là bước chuyển đánh dấu một giai đoạn mới trong hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật ở Việt Nam. Có thể nói, việc ban hành Nghị định 31/CP chính là một dấu mốc quan trọng mở đầu cho hoạt động sở hữu công nghiệp ở nước ta và mở ra triển vọng cho việc thành lập một cơ quan nhà nước thực hiện chức năng xác lập quyền sở hữu công nghiệp và tổ chức chỉ đạo hoạt động sở hữu công nghiệp - đó chính là Cục Sáng chế sau này.

GIAI ĐOẠN 1982 - 1993: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỤC SÁNG CHẾ

Nếu nhìn bao quát cả quá trình hình thành và phát triển, có thể thấy sự ra đời của Cục Sáng chế (tiền thân của Cục Sở hữu trí tuệ) gắn liền với những biến chuyển của đất nước, đặc biệt là của nền kinh tế.

Cục Sáng chế được thành lập theo Nghị định số 125/HĐBT ngày 29/7/1982 của Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở tổ chức của Phòng Sáng chế phát minh thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, đặt dấu mốc đầu tiên cho việc thành lập một cơ quan chuyên trách độc lập về sở hữu công nghiệp ở Việt Nam. Đây là thời điểm mạnh mẽ xuất hiện những sáng kiến “phá rào” đổi mới phương thức sản xuất kinh doanh, mở rộng lưu thông hàng hóa, v.v. trên phạm vi toàn quốc, tuy nhiên đây mới chỉ là những điển hình đơn lẻ. Phần lớn các nhà máy, xí nghiệp vẫn vận hành sản xuất và cung cấp sản phẩm hàng hóa cho thị trường nội địa theo kế hoạch của nhà nước. Tất cả mới chỉ là bước chuẩn bị cho một cuộc chuyển mình lớn hơn của đất nước cũng như của nền kinh tế từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12/1986) – điểm khởi đầu của công cuộc đổi mới với chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ra đời trước Đổi mới tới bốn năm, sự hiện diện của Cục Sáng chế trong bối cảnh đời sống kinh tế đất nước còn rất nhiều ảnh hưởng của nền kinh tế kế hoạch hóa đã cho thấy tầm nhìn của Chính phủ về vai trò của sở hữu trí tuệ, một lĩnh vực chỉ phát huy vai trò thực sự trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần kinh tế. Nếu không được ra đời sớm, ắt hẳn Cục Sáng chế khó đảm trách được vai trò của mình trong những năm sau, khi nền kinh tế đất nước bắt đầu có những khởi sắc trong kế hoạch năm năm (1986 - 1990): GDP tăng 4,4%/năm; tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 3,8 - 4%/năm; công nghiệp tăng bình quân 7,4%/năm, trong đó sản xuất hàng tiêu dùng tăng 13 - 14%/năm; giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng

28%/năm. Đây cũng là giai đoạn cơ quan quản lý nhà nước đầu tiên của Việt Nam trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp chuẩn bị những nền tảng cho hoạt động của mình, tuy chưa hắt tất cả nguồn lực về mặt con người và cơ sở vật chất đã thực sự tối ưu.

Theo Quyết định số 194/TCCB ngày 17/9/1982 của Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước ban hành Điều lệ về tổ chức hoạt động, Cục Sáng chế được xây dựng trên cơ sở Phòng Sáng chế Phát minh - cơ quan trực thuộc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước có trách nhiệm giúp Chủ nhiệm Ủy ban thực hiện chức năng thống nhất quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế và công tác sở hữu công nghiệp trong cả nước; bảo hộ pháp lý sáng chế và các đối tượng sở hữu công nghiệp. Điều lệ này đã định hướng các nhiệm vụ quan trọng của Cục Sáng chế theo năm hướng cơ bản:

* Nghiên cứu trình Nhà nước hoặc Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước quyết định những phương hướng, kế hoạch phát triển cũng như các chủ trương, chính sách, chế độ thể lệ liên quan đến hoạt động sáng kiến, sáng chế;

* Hướng dẫn phương pháp luận và nghiệp vụ cho các ngành và các địa phương cũng như các tổ chức đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ các hệ thống và các cán bộ liên quan đến lĩnh vực sáng kiến và sở hữu công nghiệp;

* Thực hiện việc nhận đăng ký, xét nghiệm trình Chủ nhiệm Ủy ban quyết định cấp các loại văn bằng bảo hộ sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa và các đối tượng sở hữu công nghiệp khác;

* Thực hiện các biện pháp về bảo hộ quyền lợi quốc gia trong lĩnh vực sáng chế và sở hữu công nghiệp;



Cục trưởng Cục Sáng chế An Khang đọc Quyết định trao các Bằng Sáng chế và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đầu tiên năm 1984.

* Xây dựng trung tâm tư liệu sáng chế nhà nước, đảm bảo khai thác có hiệu quả các kho tư liệu phục vụ công tác xét nghiệm sáng chế và phục vụ cho quá trình xây dựng, thực hiện kế hoạch khoa học – kỹ thuật của nhà nước và cho các mục đích khác theo yêu cầu phát triển khoa học kỹ thuật và kinh tế quốc dân.

Sau gần một năm triển khai, nhận thấy những hướng mới mà một tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp cần phải có, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước đã ra quyết định số 213/TCCB bổ sung một số nội dung mới:

* Xây dựng và quản lý trung tâm thông tin tư liệu sáng chế và sở hữu công nghiệp phục vụ các hoạt động khoa học kỹ thuật và kinh tế (như một cơ quan khoa học phục vụ khoa học); thực hiện các dịch vụ và hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp;

* Thực hiện các dịch vụ về sở hữu công nghiệp với pháp nhân và tư nhân nước ngoài; có thu chi ngoại tệ theo quy định hiện hành của nhà nước.

Với phạm vi hoạt động này, Cục Sáng chế đã được quy định có 5 phòng chuyên môn, nghiệp vụ, bao gồm:

Phòng Pháp chế, bảo hộ pháp lý sáng chế và nhãn hiệu hàng hóa;

Phòng Thông tin tư liệu sáng chế;

Phòng Quản lý hoạt động sáng kiến, sáng chế và nhãn hiệu hàng hóa;

Phòng Tổng hợp, nghiệp vụ và xuất bản;
Phòng Tổ chức, hành chính – quản trị và tài vụ.

Tuy nhiên, chỉ đến năm 1988, cơ cấu tổ chức của Cục Sáng chế mới bắt đầu triển khai theo quy định về các phòng chuyên môn, còn trong giai đoạn mới thành lập, cơ cấu mới chỉ thu gọn trong hai tổ chuyên môn là Tổ Quản lý và Tổ Thông tin với 27 cán bộ. Theo quá trình hoạt động, số lượng cán bộ mới đã được bổ sung, đặc biệt năm 1985 tăng thêm 33 người, 22 người trong số này tốt nghiệp đại học ở Liên Xô và sau đó tham dự khóa đào tạo về sở hữu công nghiệp tại Trường nâng cao trình độ nghiệp vụ sở hữu công nghiệp cho cán bộ lãnh đạo và chuyên gia trong các ngành kinh tế quốc dân thuộc Ủy ban Sáng chế phát minh nhà nước Liên Xô (viết tắt là ЦИПК - nay là Học viện Sở hữu trí tuệ Quốc gia Nga).

Khi nhân sự được bổ sung theo từng năm, cơ cấu tổ chức của Cục Sáng chế cũng được mở rộng thêm nhiều bộ phận mới, dù vẫn dưới dạng các tổ chuyên môn. Năm 1984 Cục có 6 tổ chuyên môn: Tổ Quản lý pháp chế; Tổ Xét nghiệm sáng chế; Tổ Nhãn hiệu hàng hóa; Tổ Thông tin; Tổ Tư liệu; Tổ Tổng hợp; năm 1985 lập thêm Tổ Máy tính và thiết bị; năm 1986 lập thêm Tổ Li xăng.

Trong giai đoạn này, Cục Sáng chế ghi nhận một cột mốc quan trọng, đó là khởi công và xây dựng công trình trụ sở mới vào ngày 16/4/1987 và đến ngày 22/11/1988, công trình được khánh thành. Công trình này được xây dựng bằng nguồn thu từ lệ phí đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo Thỏa ước Madrid mà Việt Nam được hưởng, và kết hợp với Dự án “Phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp ở Việt Nam và xây dựng Trung tâm tư liệu sáng chế quốc gia” (Project VIE/86/038) do WIPO hỗ trợ. Cuối năm 1988, Cục Sáng chế chính thức chuyển đến làm việc tại trụ sở mới. “An cư rồi mới lạc nghiệp”, sau khi chính thức chuyển về trụ sở mới được một năm, Cục Sáng chế đã có được một đội ngũ cán bộ hùng hậu với 142 người, bổ sung Tổ Kiểu dáng công nghiệp, đồng thời thành lập Công ty Tư vấn đầu tư, Chuyển giao công nghệ và Sở hữu công nghiệp (INVESTIP).



Đại tướng Võ Nguyên Giáp đặt viên gạch đầu tiên trong Lễ khởi công xây dựng trụ sở Cục Sáng chế, ngày 16/4/1987.

Với một hệ thống cơ sở vật chất khá hoàn thiện vào thời điểm đó, một cơ cấu tổ chức chuyên môn tinh gọn, phù hợp với tình hình phát triển và đội ngũ nhân lực khá tinh nhuệ, Cục Sáng chế đã có được những tiền đề quan trọng cho các hoạt động trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, đủ sức đáp ứng được



Cục trưởng Cục Sáng chế An Khang phát biểu tại Lễ khánh thành trụ sở Cục Sáng chế ngày 22/11/1988.



Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười và Chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học Kỹ thuật Nhà nước Đặng Hữu (hàng đầu, thứ tư và thứ ba từ phải sang), tại Lễ khánh thành trụ sở Cục Sáng chế ngày 22/11/1988.



Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Quỳnh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp (thứ 2 và 3 hàng đầu, từ trái sang) tại Lễ khởi công xây dựng trụ sở Cục Sáng chế ngày 16/4/1987.



Trụ sở Cục Sáng chế.

những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đã đặt ra. Có thể nói, tất cả những thành công sau này trong rất nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau của Cục Sáng chế đều bắt nguồn từ những ngày đầu này, bởi các hoạt động chuyên môn về xây dựng văn bản pháp luật; các hoạt động sở hữu công nghiệp; hợp tác quốc tế đều được định hướng và triển khai một cách bài bản và chắc chắn.

Được chính thức khởi công vào ngày 16/4/1987, trụ sở Cục Sáng chế (địa chỉ hiện nay là số 386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội) trở thành nơi khởi điểm cho các chính sách, văn bản pháp luật tạo hành lang pháp lý cho hoạt động sở hữu trí tuệ, các chương trình phát triển tài sản trí tuệ, kết nối, tuyên truyền, hỗ trợ các hoạt động sở hữu trí tuệ trong cả nước; là địa chỉ tin cậy đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

XÂY DỰNG HỆ THỐNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Do mới chỉ có văn bản pháp luật duy nhất liên quan đến sở hữu công nghiệp là Điều lệ về sáng kiến, cải tiến kỹ thuật – hợp lý hóa sản xuất và sáng chế ban hành kèm theo Nghị định 31/CP ngày 23/01/1981 của Hội đồng Chính phủ, nên khi chính thức đi vào hoạt động, Cục Sáng chế đã ưu tiên triển khai việc chuẩn bị xây dựng các văn bản pháp luật làm cơ sở để triển khai bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp khác. Văn bản quy phạm pháp luật quan trọng về bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa là Nghị định 197/HĐBT về Điều lệ nhãn hiệu hàng hóa được ban hành vào ngày 14/12/1982.

Sau đó, trong năm 1988, các văn bản quy phạm pháp luật khác do Cục Sáng chế soạn thảo để bảo hộ những đối tượng khác của quyền sở hữu công nghiệp đã được thông qua: Nghị định 85-HĐBT ngày 13/5/1988 ban hành Điều lệ về kiểu dáng công nghiệp; Nghị định 200/HĐBT ngày 28/12/1988 ban hành Điều lệ về giải pháp hữu ích; Nghị định 201/HĐBT ngày 28/12/1988 ban hành Điều lệ về mua bán quyền sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa và bí quyết kỹ thuật (gọi tắt là Điều lệ về mua bán li-xăng).

Chỉ trong vòng sáu năm, Cục Sáng chế đã có được một bước tiến lớn và vững chắc về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, không chỉ đặt nền móng năng lực và kinh nghiệm cho việc xây dựng những văn bản tiếp theo mà quan trọng hơn, bắt đầu đem lại những nguyên tắc và nội dung bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở các đối tượng căn bản, phù hợp với định hướng và điều kiện phát triển của nền kinh tế nước ta trong công cuộc Đổi mới. Mặc dù các biện pháp bảo hộ chủ yếu là các biện pháp hành chính nhưng nó phản ánh đúng các nguyên tắc của một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung theo mô hình các nước xã hội chủ nghĩa, điển hình là việc bảo hộ sáng chế dưới hai hình thức Bằng tác giả sáng chế (hình thức bảo hộ phù hợp với nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung) – được

khuyến khích sử dụng và Bằng độc quyền sáng chế (hình thức bảo hộ phù hợp với nền kinh tế thị trường) – chủ yếu dành cho người nước ngoài.

Những thành công này đã trở thành bước đà để Cục Sáng chế đề xuất và phối hợp với Vụ Pháp luật - Văn phòng Quốc hội và các cơ quan khác soạn thảo một văn bản mang tính bước ngoặt: dự thảo Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp. Được Hội đồng Nhà nước thông qua ngày 28/01/1989 và Chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký ngày 11/02/1989, Pháp lệnh chính thức được ban hành và đánh dấu bước khởi đầu cho công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Cục Sở hữu trí tuệ ngày nay. Đây là lần đầu tiên, khái niệm “sở hữu công nghiệp” được chính thức sử dụng trong hệ thống văn bản pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó, Pháp lệnh còn quy định bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hóa để bảo vệ những sản phẩm độc đáo từ các vùng miền trong cả nước. Điều quan trọng hơn cả, Pháp lệnh đã khẳng định Cục Sáng chế là cơ quan nhà nước quản lý hoạt động sở hữu công nghiệp, tiến hành việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam.

Sự kiện Pháp lệnh Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ra đời đã đem lại những giá trị mới cho hoạt động bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp: các biện pháp và chế tài bảo hộ không chỉ bị giới hạn trong phạm vi hành chính mà còn có cơ sở pháp lý để mở rộng đến các thủ tục tố tụng; bãi bỏ hình thức bảo hộ Bằng tác giả sáng chế và chỉ còn duy nhất hình thức bảo hộ là Bằng độc quyền sáng chế. Như vậy, hoạt động bảo hộ sáng chế đã bắt nhịp với bước chuyển đổi thực sự trong nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ, v.v. của đất nước, trong đó nền kinh tế đang chuyển đổi một cách có hiệu quả từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những văn bản quy phạm pháp luật mà Cục Sáng chế đề xuất soạn thảo trình ban hành đã làm cơ sở để mở ra các hoạt động mới: tổ chức triển khai việc tiếp nhận đơn đăng ký, xem xét và cấp văn bằng bảo hộ sáng chế,



Phiên họp của Hội đồng Nhà nước thông qua Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp năm 1989.

Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, được ban hành năm 1989, đã đánh dấu sự thay đổi căn bản của hệ thống bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở nước ta. Lần đầu tiên cụm từ “sở hữu công nghiệp” được chính thức sử dụng trong văn bản pháp luật. Từ đây, sáng chế và các đối tượng sở hữu công nghiệp khác được coi là một loại tài sản và là đối tượng của quyền sở hữu; qua đó, khuyến khích sáng tạo và cân bằng lợi ích vật chất do các quyền sở hữu công nghiệp mang lại và lợi ích của xã hội. Pháp lệnh còn quy định bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hóa nhằm phát huy thế mạnh của các sản phẩm độc đáo và nổi tiếng từ lâu đời của Việt Nam. Pháp lệnh này là một trong những văn bản pháp lý quan trọng đầu tiên khi Việt Nam chuẩn bị bước vào xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đề ra.

nhãn hiệu hàng hóa (từ năm 1984); triển khai tiếp nhận đơn đăng ký, xét nghiệm và cấp văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và giải pháp hữu ích (từ năm 1989). Đánh dấu các hoạt động này là những mốc thời gian đáng nhớ với Cục Sáng chế: Bằng độc quyền sáng chế đầu tiên được cấp vào ngày 28/6/1984, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đầu tiên được cấp ngày 29/6/1984, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đầu tiên được cấp vào ngày 26/6/1989 và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đầu tiên được cấp vào ngày 16/8/1989.

Số lượng hồ sơ đơn đăng ký bảo hộ nhận được trong thời kỳ đầu của Cục Sáng chế chỉ bằng một phần nhỏ so với ngày nay, nhưng để có những con số ấn tượng về sau thì những hoạt động đầu tiên dẫn đường như trên thực sự có ý nghĩa.

Trong giai đoạn này, Chính phủ đã phê chuẩn gia nhập Hiệp ước Hợp tác về sáng chế (PCT) và Việt Nam chính thức tham gia Hiệp ước này từ 10/3/1993. Sự kiện tham gia Hiệp ước PCT cùng với các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia trước đó như Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp, Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa, Công ước Stockholm về thành lập Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã

thể hiện bước phát triển về hội nhập quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đồng thời đặt ra những nhiệm vụ quan trọng để Cục thực hiện trong thời gian tiếp theo.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SÁNG KIẾN VÀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Năm 1986, theo đề nghị của Cục Sáng chế, lần đầu tiên vấn đề “tổ chức các hoạt động sở hữu công nghiệp” được đưa vào Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Kể từ đó, hoạt động sở hữu công nghiệp được dư luận xã hội quan tâm và được các cấp ủy chỉ đạo.

Trong những năm đầu, Cục Sáng chế đã hỗ trợ các ngành, các địa phương xây dựng và củng cố đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác sáng kiến – sáng chế ở các cơ quan quản lý khoa học – kỹ thuật, thành lập hội đồng sáng kiến các cấp. Đội ngũ cán bộ này được Cục Sáng chế đào tạo, nâng cao trình độ về sở hữu công nghiệp. Hằng năm, Cục Sáng chế hướng dẫn các ngành, địa phương xây dựng và triển khai các hoạt động sáng kiến, sở hữu công nghiệp trong khuôn khổ kế hoạch khoa học và kỹ thuật của ngành, địa phương.

Song song với đó, Cục Sáng chế không ngừng tổ chức nhiều đoàn cán bộ của Cục và của nhiều bộ ngành và các địa phương đi tập huấn, nâng cao trình độ qua các khóa đào tạo cơ bản về sở hữu công nghiệp ở nước ngoài, đặc biệt tại CHDC Đức và Pháp cũng như các khóa do WIPO phối hợp với các cơ quan sáng chế quốc gia tổ chức. Họ đã trở thành lực lượng nòng cốt trong việc triển khai các hoạt động sở hữu công nghiệp tại Việt Nam trong những năm tiếp theo.

Thông qua những nỗ lực này, một mạng lưới cán bộ chuyên trách về sáng kiến và sở hữu công nghiệp ở các bộ, ngành, địa phương đã được hình thành khắp cả nước. Nhờ vậy, những chính sách và cơ chế mới về sở hữu công nghiệp do Cục Sáng chế triển khai đã được lan tỏa rộng khắp và đi vào cuộc sống.



Đoàn đại biểu Cục Sáng chế do Cục trưởng An Khang dẫn đầu thăm và làm việc tại Cục Sáng chế Hungary năm 1986.



Tổng Giám đốc WIPO Apard Bogsch và Phó Tổng giám đốc WIPO A. Kostikov sang thăm và khai mạc Hội thảo về nhãn hiệu hàng hóa tại Hà Nội, tháng 12/1984.

TẠO LẬP QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Trong những ngày đầu bỡ ngỡ, tất cả các hoạt động về sở hữu công nghiệp ở Việt Nam còn hết sức sơ khai thì lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên thế giới đã tồn tại hàng trăm năm, gắn liền với quá trình công nghiệp hóa. Nhiều điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ đã được ký kết và có hiệu lực. Tận dụng những thành quả đó của cộng đồng quốc tế về sở hữu trí tuệ, Cục Sáng chế đã học hỏi, tiếp

Với mục tiêu đa phương hóa các hoạt động sở hữu công nghiệp và đặt nền tảng cho những hoạt động sở hữu trí tuệ tiếp theo, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đã mời Tổng giám đốc WIPO Arpad Bogoch và Phó tổng giám đốc A. Kostikov sang thăm và làm việc tại Việt Nam vào tháng 12/1984. Sự kiện này cũng thể hiện tầm nhìn của Cục Sáng chế trong việc thiết lập và mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế nhận được sự hỗ trợ của các quốc gia, các tổ chức quốc tế đối với lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Sau những nỗ lực này, rất nhiều hoạt động hợp tác và trao đổi về chuyên môn ở tầm quốc gia và quốc tế đã được tổ chức, trong đó đáng chú ý có hội thảo về thông tin sáng chế cho cán bộ Việt Nam và Lào do Cục và Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới tổ chức (năm 1983), Kỳ họp lần thứ 26 Hội nghị lãnh đạo Cơ quan sáng chế các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế (tháng 12/1985), Hội thảo về sở hữu công nghiệp (năm 1987), v.v..

Một trong số những hiệu quả mà các hoạt động mở rộng hợp tác quốc tế mang lại là Cục Sáng chế có được kho tư liệu thông tin sáng chế với 11 triệu bản mô tả sáng chế của 18 quốc gia và hai tổ chức quốc tế, hàng chục nghìn công báo về sáng chế của các quốc gia trên thế giới. Hàng triệu thư mục sáng chế của 52 quốc gia đã được xây dựng và đưa vào sử dụng. Dù cơ sở hạ tầng vẫn chưa thực sự đầy đủ và hoàn thiện nhưng Trung tâm Thông tin tư liệu sáng chế đã được trang bị nhiều phương tiện hiện đại để phục vụ nhu cầu tra cứu thông tin như máy tính, máy đọc vi phim, đầu đọc CD-ROM, hệ thống sao chụp, in ấn.

Vạn dặm cũng khởi nguồn từ bước đi đầu tiên, tất cả những nỗ lực của Cục Sáng chế trong giai đoạn này đã trở thành nền tảng quan trọng cho những thành công trong những giai đoạn phát triển sau này của Cục.

MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO HỘ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

29/07/1982: Nghị định 125/HĐBT về việc sửa đổi tổ chức bộ máy Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước trong đó có Cục Sáng chế - tiền thân của Cục Sở hữu trí tuệ ngày nay.

14/12/1982: Nghị định 197/HĐBT ban hành Điều lệ về nhãn hiệu hàng hóa.

Năm 1983: Cục trưởng An Khang dẫn đầu đoàn cán bộ Cục Sáng chế sang thăm và làm việc tại Ủy ban Sáng chế Phát minh Nhà nước Liên Xô

28/6/1984: Cấp Bằng sáng chế đầu tiên.

29/6/1984: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đầu tiên.

Tháng 12/1984: Tổng Giám đốc Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) lần đầu tiên sang thăm Việt Nam, gặp gỡ các Lãnh đạo cao cấp của Nhà nước, làm việc với các cơ quan hữu quan và Cục Sáng chế.

Năm 1986: WIPO tài trợ Dự án “Phát triển hoạt động sở hữu công nghiệp ở Việt Nam và xây dựng Trung tâm tư liệu sáng chế quốc gia” (Project VIE/86/038).

16/4/1987: Công trình xây dựng trụ sở Cục chính thức được khởi công.

13/5/1988: Nghị định 85/HĐBT ban hành Điều lệ về kiểu dáng công nghiệp.

28/12/1988: Nghị định 200/HĐBT ban hành Điều lệ về giải pháp hữu ích.

28/12/1988: Nghị định 201/HĐBT ban hành Điều lệ về mua bán Li-xăng.

28/01/1989: Pháp lệnh bảo hộ sở hữu công nghiệp của Hội đồng nhà nước số 13-LCT/HĐNN8 được ban hành.

26/6/1989: Cấp Giấy chứng nhận kiểu dáng công nghiệp đầu tiên.

16/8/1989: Cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đầu tiên.

20/3/1990: Nghị định 84/HĐBT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ về sáng kiến cải tiến kỹ thuật - hợp lý hóa sản xuất và sáng chế, Điều lệ về nhãn hiệu hàng hóa, Điều lệ về kiểu dáng công nghiệp, Điều lệ về giải pháp hữu ích nhằm thi hành Pháp lệnh bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

10/3/1993: Việt Nam gia nhập Hiệp ước Hợp tác về sáng chế (Hiệp ước PCT).

GIẢI ĐOẠN 1993 - 2003: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Các yêu cầu mới từ thực tiễn phát triển của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã góp phần mở rộng hơn nữa phạm vi hoạt động của Cục Sáng chế. Để phù hợp với tinh thần này, Cục Sáng chế đã được đổi tên thành Cục Sở hữu công nghiệp¹, thông qua đó hướng trọng tâm đến các hoạt động kinh tế trọng yếu của đất nước.

Những quyết định đúng đắn ở Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đem lại một diện mạo mới cho nền kinh tế, đó là đạt mức tăng trưởng khá cao, liên tục và tương đối toàn diện. Điều đáng chú ý là, những hoạt động kinh tế mới đã bắt đầu xuất hiện: cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng đã bắt đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa như công nghiệp và xây dựng tăng từ 22,6% tăng lên 29,1%, dịch vụ từ 38,6% tăng lên 41,9%; các khu công nghiệp, khu chế xuất được xây dựng. Song song với sự dịch chuyển này là sự hình thành của nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có kinh tế tư nhân với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu, và các liên doanh giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp nước ngoài v.v..

Mặc dù có nhiều khởi sắc với những đổi mới về tư duy kinh tế nhưng theo đánh giá của giới chuyên gia trong nước và quốc tế, Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với nhiều vấn đề tồn tại mà sự phát triển ban đầu của một nền kinh tế đang dịch chuyển vẫn chưa giải quyết hết được: hệ thống cơ sở vật chất, nhất là kết cấu hạ tầng, còn lạc hậu; trình độ khoa học và công nghệ còn khiêm tốn; nguồn nhân lực có kiến thức, tay nghề, năng lực còn ít, năng suất lao động xã hội tăng chậm; chất lượng sản phẩm hàng hóa và chất lượng công trình thấp, kém sức cạnh tranh trên thị trường.

Tất cả những điều đó đã đặt ra cho nền kinh tế một yêu cầu mới, đó là gia tăng giá trị tri thức trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà cốt lõi là phát triển tài sản trí tuệ và lấy đó làm một trong số những hạt nhân thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh tế.

TỔ CHỨC LẠI CÔNG VIỆC CHUYÊN MÔN, XÂY DỰNG QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ

Với mục tiêu hỗ trợ và đáp ứng các yêu cầu về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp phục vụ trực tiếp cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Cục Sáng chế đã được đổi tên thành Cục Sở hữu công nghiệp. Kể từ đây, Cục đã đảm trách thêm nhiều chức năng, nhiệm vụ mới nhằm thực hiện tốt các quy định của Pháp lệnh Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp.

Để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp và hoạt động sáng kiến, cơ cấu tổ chức của Cục gồm 7 phòng và 1 trung tâm: Phòng Hành chính và Quản trị; Phòng Pháp chế và Quản lý; Phòng Kiểu dáng và nhãn hiệu; Phòng Sáng chế và Giải pháp hữu ích; Phòng Đăng ký; Phòng Quan hệ quốc tế; Phòng Đào tạo; Trung tâm thông tin tư liệu. Trong đó, để đáp ứng nhu cầu xử lý đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, đào tạo cán bộ cũng như mở rộng quan hệ quốc tế, Cục bổ sung vào bộ máy tổ chức thời kỳ này 3 đơn vị mới là

(1) Ngày 22/5/1993, Chính phủ ban hành Nghị định số 22-CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trong đó Cục Sáng chế được đổi tên thành Cục Sở hữu công nghiệp.

Ngày 8/6/1993 Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ra Quyết định số 259/TCCB ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu công nghiệp.



Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường Phạm Gia Khiêm đến thăm và làm việc tại Cục Sở hữu công nghiệp năm 1997.

Phòng Đăng ký, Phòng Đào tạo và Phòng Quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, Cục đã kiện toàn và tổ chức lại công việc chuyên môn, khắc phục tình trạng làm việc phân tán, xây dựng lại các quy trình tiếp nhận và xử lý đơn một cách thống nhất và khoa học. Các quy chế về thẩm định đơn sở hữu công nghiệp cũng như các thủ tục liên quan đã được Cục ban hành và đem lại sự chuẩn hóa trong quy trình nghiệp vụ. Đây là một quyết định đúng đắn và đem lại hiệu quả cao rõ rệt. Trong giai đoạn này, Cục chứng kiến số lượng đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp tăng nhiều so với giai đoạn trước, đặc biệt là đơn nhãn hiệu.

Trong giai đoạn này, Cục bắt đầu tiếp nhận những đơn yêu cầu cấp bằng độc quyền sáng chế ít ỏi của các tác giả Việt Nam, mỗi năm chỉ có vài chục đơn. Phải trải qua cả một chặng đường phát triển phía sau nữa, Cục mới ghi nhận thêm những hồ sơ đăng ký mới của tác giả Việt Nam nhưng nó cho thấy, một khi được khuyến khích và tạo cơ hội thì sức sáng tạo sẽ bắt đầu được lan tỏa và trên đường trở thành nguồn nội lực quan trọng cho sự phát triển của xã hội. Đó còn là cả một chặng đường

CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Trong giai đoạn 1993-2003, Cục Sở hữu công nghiệp đã:

- Tiếp nhận 10.379 đơn đăng ký sáng chế trong đó của Việt Nam 405 đơn, của nước ngoài 9.974 đơn và cấp 3.861 Bằng độc quyền sáng chế (Việt Nam: 73, nước ngoài: 3.788);

- Tiếp nhận 771 đơn đăng ký giải pháp hữu ích (Việt Nam: 381, nước ngoài: 390) và cấp 268 Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (Việt Nam: 124, nước ngoài: 144);

- Tiếp nhận 10.508 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp (Việt Nam: 8.947, nước ngoài: 1.561) và cấp 6.074 Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (Việt Nam: 5.364, nước ngoài: 710);

- Tiếp nhận 61.003 đơn đăng ký nhãn hiệu (Việt Nam: 33.335, nước ngoài: 27.668) và cấp 40.869 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (Việt Nam: 19.929, nước ngoài: 20.940);

Giai đoạn này ghi nhận sự gia tăng đáng kể về số lượng đơn sáng chế được tiếp nhận và xử lý so với giai đoạn trước năm 1993, trong đó lượng đơn sáng chế nộp theo PCT chiếm tỉ lệ gần 90% tổng số đơn nộp vào Việt Nam.

để đưa hoạt động bảo hộ độc quyền sáng chế thành một nếp nghĩ mới và trên con đường đó, đã có những dấu mốc đáng nhớ, ví dụ như việc Cục cấp Bằng độc quyền sáng chế số 100 về nguyên vật liệu sản xuất vật liệu cách nhiệt diatomit và phương pháp sản xuất vật liệu này.

Với xã hội, đó là con số tròn trĩnh phân định một bước phát triển mới về sau đó nhưng với những người làm ở Cục, đó là một kết quả ghi nhận của cả một tiến trình tuyên truyền, khuyến khích các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp, nhà sáng chế không chuyên nỗ lực nghiên cứu, đưa kết quả nghiên cứu từ phòng thí nghiệm tới thị trường và phát huy những sáng kiến, cải tiến kỹ thuật thành những giải pháp công nghệ, có thể góp phần giải quyết những vấn đề thực tế sản xuất đặt ra.

Ba thập niên sau nhìn lại, ít ai tưởng tượng rằng cho đến trước năm 1993, các thao tác nghiệp vụ ở Cục hoàn toàn được thực hiện bằng cách thủ công. Vào cuối những năm 1980 và đầu 1990, có thể nói chưa có khái niệm tự động hóa/điện tử hóa trong công việc tại Cục. Máy tính cá nhân còn rất xa lạ. Cục chỉ được trang bị vài máy tính nhưng được ưu tiên cho việc lập kho dữ liệu nhãn hiệu. Việc đánh máy văn bản chỉ trông chờ vào khoảng chục chiếc máy đánh chữ cơ khí và vài ba chiếc máy in loại 9 kim. Ngay cả việc in ấn cũng phải thực hiện bằng máy ronéo tại xưởng in của Bộ. Số đơn đăng ký trong giai đoạn này còn khá ít cho nên mặc dù được thực hiện bằng cách thủ công, Phòng Đăng ký vẫn bảo đảm hoàn thành thông suốt các công việc được giao mà không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn, ùn ứ.

Nếu nhìn vào các lĩnh vực hoạt động của các chủ văn bằng bảo hộ, có thể thấy các chủ văn bằng bảo hộ đã tích cực khai thác đối tượng được bảo hộ trong hầu hết các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp. Một loạt doanh nghiệp nội địa, trong đó không hiếm các tên tuổi lớn của các lĩnh vực sản xuất quan trọng, đã trở thành chủ sở hữu của hàng chục nhãn hiệu và kiểu dáng công nghiệp như Tổng công ty thuốc lá Việt Nam có 143 nhãn hiệu, Công ty thực phẩm quận 5, thành phố

Hồ Chí Minh có 58 nhãn hiệu, Công ty sữa Việt Nam Vinamilk có 23 nhãn hiệu, trong đó có những nhãn hiệu trị giá tới hàng triệu USD như nhãn hiệu P/S hay nhãn hiệu Dạ Lan cho sản phẩm kem đánh răng, v.v..

Những chuyển động của một nền kinh tế đang lên và một thị trường tiềm năng như Việt Nam đã thu hút rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài. Chính việc đặt niềm tin vào thị trường và mặt khác là niềm tin vào một đơn vị quản lý nhà nước về hoạt động sở hữu trí tuệ, dù tuổi đời chưa thể so với các đơn vị đồng cấp các nước, đã đưa các doanh nghiệp nước ngoài đến nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Cục. Vì vậy trong giai đoạn này, số đơn đăng ký của người nước ngoài và số văn bằng bảo hộ cấp cho người nước ngoài chiếm tỷ lệ khá lớn (trên dưới 50%) trong tổng số đơn đăng ký mà Cục Sở hữu công nghiệp đã tiếp nhận và số văn bằng bảo hộ đã cấp. Đó là các doanh nghiệp đã, đang hoặc sẽ đầu tư dài hạn vào Việt Nam như Unilever (Hà lan) với gần 700 nhãn hiệu đăng ký bảo hộ, v.v..

ĐẶT NỀN MÓNG CHO HÀNH LANG PHÁP LÝ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Việc xây dựng thể chế trong giai đoạn đầu này có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần tạo ra một cơ chế bảo hộ cụ thể, thúc đẩy các hoạt động đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp gia tăng nhanh chóng. Có thể coi đây là những văn bản pháp lý quan trọng đầu tiên khi Việt Nam chuẩn bị bước vào xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được chính thức đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Giai đoạn này cũng chứng kiến sự ra đời của một văn bản quan trọng nữa, là Bộ Luật Dân sự được thông qua, với Phần thứ sáu quy định về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, trong đó có Chương II về quyền sở hữu công nghiệp¹.

Cụ thể, Chương II về quyền sở hữu công nghiệp gồm 26 điều, quy định những nguyên tắc cơ bản nhằm xác lập và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, là cơ sở pháp lý cao nhất và

(1) Ngày 28/10/1995, Bộ luật Dân sự đã được Quốc hội thông qua.

PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP NHẪM HỘI NHẬP VỚI KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

22/5/1993: Nghị định 22/CP quy định nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, trong đó Cục Sáng chế được đổi tên thành Cục Sở hữu công nghiệp.

30/11/1994: Ký kết Dự án trợ giúp kỹ thuật về sở hữu trí tuệ trong khuôn khổ dự án ALA/VIE/93/96 về “Chương trình hỗ trợ kỹ thuật chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường” của Cộng đồng châu Âu tài trợ cho Việt Nam.

Tháng 4/1994: Ký kết Bản ghi nhớ hợp tác song phương trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp giữa Thái Lan và Việt Nam.

Tháng 7/1994: Ký kết Thỏa thuận hợp tác giữa Viện Sở hữu công nghiệp của Cộng hòa Pháp (INPI) và Cục Sở hữu công nghiệp.

Tháng 8/1994: Ông Đoàn Phương, Cục trưởng Cục Sở hữu công nghiệp đã sang thăm Cơ quan sáng chế và Nhân hiệu Liên bang Nga (ROSPATENT) nhằm phát triển quan hệ hợp tác giữa hai cơ quan.

Tháng 9/1995: Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Australia đã ký kết Bản ghi nhớ về hợp tác sở hữu trí tuệ giữa hai nước.

Ngày 15/12/1995: Ký kết Hiệp định khung về hợp tác sở hữu trí tuệ giữa các nước ASEAN.

28/10/1995: Bộ Luật Dân sự được Quốc hội thông qua với Phần thứ sáu quy định về quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, trong đó có Chương II về quyền sở hữu công nghiệp.

24/10/1996: Nghị định 63/CP quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp.

31/12/1996: Thông tư 3055/TT-SHCN của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định 63/CP.

09/5/1997: Thông tư 23/TCT của Bộ Tài chính hướng dẫn thu nộp và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.

Tháng 7/1999: Ký kết hiệp định về sở hữu trí tuệ và hợp tác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ giữa Việt Nam và Thụy Sĩ, trong đó Chính phủ Thụy Sĩ đã tài trợ cho Việt Nam thực hiện “Chương trình Hợp tác đặc biệt Việt Nam – Thụy Sĩ về sở hữu trí tuệ” (gọi tắt là chương trình SPC).

Tháng 12/1999: Ký kết Thỏa thuận triển khai Dự án Hiện đại hóa quản trị sở hữu công nghiệp (MOIPA) do Chính phủ Nhật Bản tài trợ. Dự án đã góp phần quan trọng vào công cuộc cải tiến công nghệ xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp, tự động hóa các thao tác nghiệp vụ liên quan đến tiến trình xử lý đơn của Cục Sở hữu công nghiệp.

06/3/1999: Nghị định 12/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Năm 2000: Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ được ký kết, trong đó có một Chương về sở hữu trí tuệ.

03/10/2000: Nghị định 54/2000/NĐ-CP về bảo hộ bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới sở hữu công nghiệp.

01/02/2001: Nghị định 06/2001/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Nghị định 63/CP quy định chi tiết về sở hữu công nghiệp.

Năm 2002: Cục chính thức đưa vào sử dụng Hệ thống quản trị đơn IPAS do Chính phủ Nhật Bản tài trợ.

29/7/2002: Cục Sở hữu công nghiệp đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba.

đầy đủ nhất để triển khai toàn diện hoạt động sở hữu công nghiệp, tạo ra một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở Việt Nam. Ý nghĩa quan trọng nhất của việc đưa vấn đề quyền sở hữu trí tuệ vào Bộ luật Dân sự là ở chỗ lần đầu tiên trong lịch sử nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, quyền sở hữu trí tuệ được Nhà nước thừa nhận như một loại quyền dân sự, khẳng định những nguyên tắc dân sự cơ bản của quyền sở hữu trí tuệ và được cơ quan quyền lực cao nhất là Quốc hội quy định.

TỪNG BƯỚC HỘI NHẬP VỚI THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Trong giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng nhanh chóng, quan hệ kinh tế - thương mại với các nước ngày càng được mở rộng đã đặt ra nhiều vấn đề mới cần phải giải quyết trong hoạt động sở hữu trí tuệ. Sau hơn một thập niên vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống Sở hữu trí tuệ của Việt Nam còn nhiều điểm chưa tương thích, chưa phù hợp với hệ thống sở hữu trí tuệ trên thế giới.

Tiếp theo việc gia nhập ASEAN, Việt Nam cũng xúc tiến chuẩn bị cho việc tham gia Khối mậu dịch tự do (AFTA), Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), từng bước tham gia các hoạt động của Hệ thống toàn cầu về ưu đãi thương mại với các nước đang phát triển (GSTP), áp dụng các chuẩn mực thương mại quốc tế và lựa chọn tham gia một số hiệp hội xuất khẩu quốc tế về từng mặt hàng xuất khẩu. Đặc biệt, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về sở hữu công nghiệp trong nước và từng bước thiết lập việc đàm phán các nội dung về sở hữu trí tuệ để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) có vai trò rất quan trọng. Để đàm phán và được công nhận là thành viên chính thức của WTO, các cơ quan nhà nước đã phải chuẩn bị rất



Đĩa CD-ROM chứa thông tin sáng chế.

Cuối giai đoạn này, khi Internet mới bắt đầu manh nha và mới chỉ 3% dân số Việt Nam được tiếp cận mạng, Cục Sở hữu công nghiệp đã gấp rút hoàn thiện hệ cơ sở dữ liệu điện tử có khả năng kết nối trực tiếp với mạng thông tin toàn cầu WIPONET của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), qua đó cho phép mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thể dễ dàng tra cứu thông tin về các đối tượng sở hữu công nghiệp đã nộp đơn đăng ký hoặc được bảo hộ tại Việt Nam thông qua mạng Internet.

nhieu nội dung, trong đó hoàn thiện pháp luật sở hữu trí tuệ là một trong số những yêu cầu mạnh mẽ nhất từ tổ chức này. Bối cảnh mới đã đặt ra bài toán mới cho Cục Sở hữu công nghiệp, đó là nỗ lực hội nhập quốc tế đối với các hoạt động chuyên môn và các quy định về sở hữu trí tuệ để tạo hành lang pháp lý và các điều kiện quan trọng cho doanh nghiệp Việt Nam tự tin gia nhập thị trường quốc tế.

Trong giai đoạn này, ngoài việc tiếp tục duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với WIPO và nối lại quan hệ hợp tác bị gián đoạn với các nước Đông Âu do biến động chính trị ở Liên Xô, Cục Sở hữu công nghiệp đã nhanh chóng thiết lập và mở rộng một loạt quan hệ hợp tác song phương và đa phương mới với nhiều cơ quan sở hữu công nghiệp các nước

Với vai trò dẫn dắt các hoạt động sở hữu trí tuệ trong nước đi đúng hướng, Cục Sở hữu công nghiệp đã tổ chức nhiều kỳ thi để cấp chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu công nghiệp. Cục Sở hữu công nghiệp cũng đã tích cực ủng hộ và tham gia vào quá trình thành lập Hội Sở hữu công nghiệp Việt Nam vào năm 2000, tiền thân của Hội Sở hữu trí tuệ (VIPA) ngày nay. Đây là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp có mục tiêu tập hợp và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên, hỗ trợ nhau trong các hoạt động sở hữu trí tuệ, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho hội viên và góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế xã hội của đất nước.



Lễ ký Nghị quyết hợp tác giữa Cục Sở hữu công nghiệp và Hội sở hữu công nghiệp Việt Nam ngày 19/9/2000.

Tây Âu, ASEAN, Đông Bắc Á và Australia. Đặc biệt, theo yêu cầu của Chính phủ, từ năm 1996, Cục Sở hữu công nghiệp bắt đầu tham gia đàm phán về những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ để chuẩn bị cho việc ký kết Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ. Sau 4 năm đàm phán, Hiệp định này được ký kết vào tháng 7/2000, trong đó có một chương về sở hữu trí tuệ. Điều này đã mở ra nhiều cơ hội mới cho việc khai thác và xử lý các tài sản trí tuệ có liên quan giữa các doanh nghiệp,

tổ chức, cá nhân của hai nước.

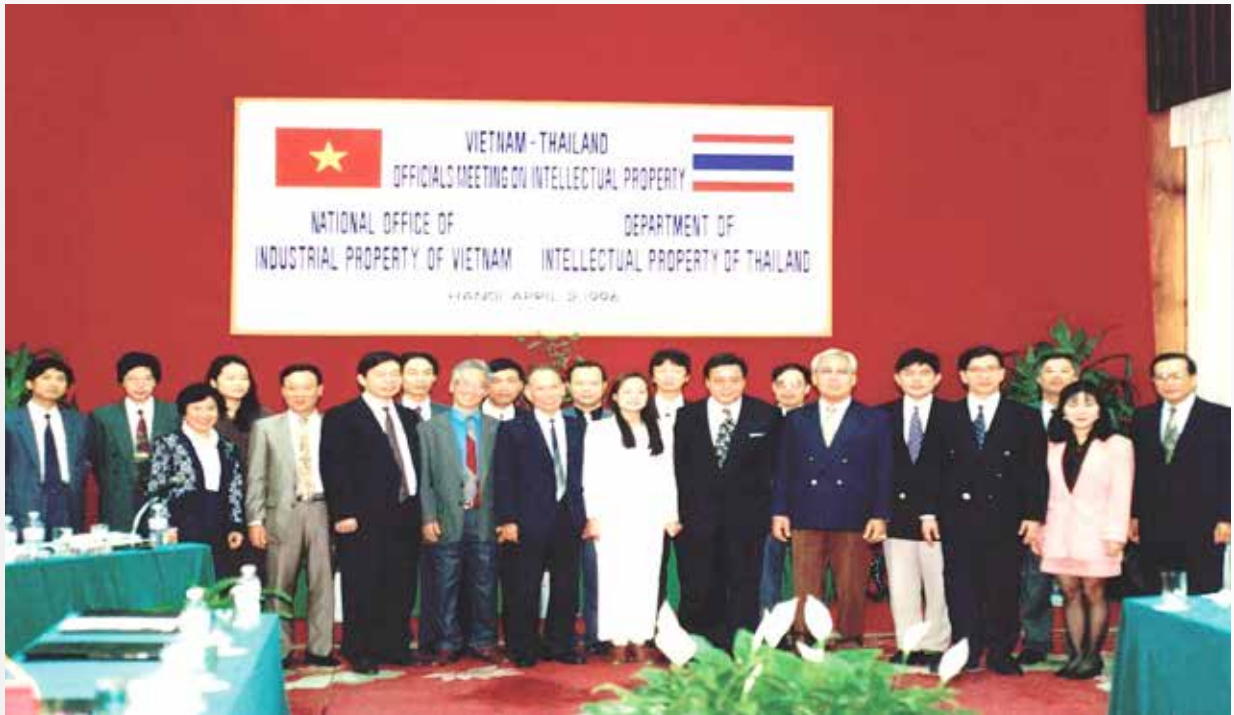
Kết quả rõ nét nhất của các hoạt động hợp tác quốc tế sau 20 năm kể từ khi thành lập là Cục đã nhận được sự giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của các nước và các tổ chức quốc tế, đồng thời trở thành đối tác đáng tin cậy được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Vai trò và uy tín quốc tế của Cục Sở hữu công nghiệp được nâng lên đáng kể, tạo tiền đề cho những quan hệ hợp tác sâu rộng của Cục nói riêng và Việt Nam nói chung trong giai đoạn tiếp theo.



Lớp tập huấn về sở hữu công nghiệp cho cán bộ chuyên trách các tỉnh, thành phố tại Hải Phòng năm 1995.



Lớp tập huấn về sở hữu công nghiệp cho cán bộ chuyên trách các tỉnh, thành phố tại Đà Nẵng năm 1997.



Hội đàm chính thức giữa Việt Nam và Thái Lan về sở hữu trí tuệ tại Hà Nội ngày 02/4/1996.



Hội thảo về thực thi quyền Sở hữu trí tuệ do Cục Sở hữu công nghiệp phối hợp với Cơ quan Sáng chế châu Âu, Viện Khoa học xét xử và Cơ quan hài hòa thị trường nội địa tổ chức tại Hà Nội vào các ngày 17-19/3/1998.



Lễ ký Bản ghi nhớ cho Dự án MOIPA, ngày 15/12/1999 tại Hà Nội.



Đoàn cán bộ Cục Sở hữu công nghiệp và các ngành địa phương nghiên cứu khảo sát hoạt động sở hữu công nghiệp tại Trung Quốc tháng 6/2000.



Chuyên gia Nhật Bản hỗ trợ Cục Sở hữu công nghiệp xây dựng Hệ thống quản trị đơn IPAS.



Khu vực tiếp nhận đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp.



Tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp tại Phòng đọc thông tin sở hữu công nghiệp.



Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Cục và đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba ngày 29/7/2002.

GIAI ĐOẠN 2003 ĐẾN NAY: XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Chính thức mang tên mới từ năm 2003, Cục Sở hữu trí tuệ bước sang một chương phát triển mới: từng bước đồng bộ hóa và hội nhập quốc tế các hoạt động bảo hộ sở hữu trí tuệ. Kể từ đây, Cục Sở hữu trí tuệ không những được vận hành một cách đầy đủ theo đúng phạm vi hoạt động của ngành mà còn trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống kinh tế xã hội của đất nước.

Nếu nhìn lại cả một chặng đường phát triển thì giai đoạn 10 năm đầu của thế kỷ 21 được đánh giá là hết sức quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, và do đó hết sức quan trọng đối với Cục Sở hữu công nghiệp. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) đã xác định nhiều mục tiêu quan trọng, trong đó có nâng cao nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh và hình thành về cơ bản thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

Về bối cảnh quốc tế, giai đoạn này có sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức dựa trên các thành tựu vượt bậc về khoa học và công nghệ, đưa khoa học công nghệ trở thành một thành tố không thể thiếu trong sản xuất và làm biến đổi sâu sắc hầu hết mọi lĩnh vực của xã hội. Những yêu cầu mới về việc xây dựng một nền kinh tế dựa trên nền tảng đổi mới công nghệ, thu hẹp khoảng cách về trình độ công nghệ so với các nước tiên tiến trong khu vực, chú trọng nhập khẩu công nghệ mới, hiện đại, thích nghi công nghệ nhập khẩu, cải tiến từng bộ phận, tiến tới tạo ra những công nghệ đặc thù Việt Nam đã tạo cú hích cho một chuyển đổi quan trọng ở cơ quan quản lý cao nhất về sở hữu trí tuệ: từ năm 2003, Cục Sở hữu công nghiệp chính thức được đổi tên thành Cục Sở hữu trí tuệ, theo Nghị định số 54/2003/NĐ-CP và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 54/2003/NĐ-CP của Chính phủ.

Dấu mốc này thể hiện sự quan tâm của Đảng và Chính phủ đối với vấn đề bảo hộ sở hữu trí tuệ trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

TỪ NĂM 2003 TỚI 2010: HOÀN THIÊN BỘ MÁY TỔ CHỨC VÀ NÂNG TẦM HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Với Nghị định mới, phạm vi hoạt động của Cục sẽ không chỉ là thực hiện các quy định về sở hữu công nghiệp mà là phát triển hệ thống quản lý về sở hữu trí tuệ, thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ, góp phần hội nhập và hài hòa các quy định về quyền sở hữu trí tuệ với thế giới. Từ đây, Cục có chức năng, nhiệm vụ giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ với vai trò là một cơ quan đầu mối về sở hữu trí tuệ quốc gia, bên cạnh việc trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp.

HOÀN THIÊN BỘ MÁY TỔ CHỨC

Để thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao, Cục đã bổ sung nhiều đơn vị mới trong cơ cấu tổ chức. Từ 12 đơn vị và bộ phận trước đó, bộ máy tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ đã được mở rộng lên 19 đơn vị và được chia thành hai khối: khối quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và khối hoạt động sự nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước.

Với mục tiêu đơn giản hóa thủ tục hành chính để đưa công tác xử lý đơn đăng ký trở thành một quy trình thuận tiện với người dân và doanh nghiệp, Cục đã áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp quan trọng trong các khâu tiếp nhận đơn, xử lý đơn và trả lời người nộp đơn, từng bước hiện đại hóa phù hợp với tiêu chuẩn chung của thế giới.

Đáng chú ý, ngay trong năm 2004 và 2005, Cục Sở hữu trí tuệ lần lượt khai trương hai

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Đà Nẵng. Như vậy, lần đầu tiên ở Việt Nam, công tác tư vấn, hỗ trợ và tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp có thể được tiến hành đồng thời tại cả ba miền. Và đặc biệt, đơn đăng ký sở hữu công nghiệp được ghi nhận và cấp số đơn đồng thời, thống nhất trên phạm vi toàn quốc thông qua mạng trực tuyến.

NÂNG TẦM HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Giai đoạn Cục Sở hữu trí tuệ đón nhận những trọng trách lớn lao hơn này cũng là giai đoạn có nhiều thách thức. Sự cạnh tranh thương mại trên thị trường Việt Nam một mặt khiến cho các doanh nghiệp phải nâng cao năng lực, đổi mới công nghệ nhằm đem lại những tính năng mới và hạ giá thành sản phẩm, mặt khác nhiều doanh nghiệp đi theo “đường tắt” - xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. So với những giai đoạn trước, tình trạng này ngày càng mở rộng về quy mô và phức tạp về hình thức. Một trong số những hệ lụy của nó là khiến cho rất nhiều cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức bị đánh cắp sản phẩm trí tuệ do chính mình làm ra hoặc nhận được thông qua chuyển giao.

Để giảm đến mức tối thiểu tình trạng này, Cục Sở hữu trí tuệ đã rà soát, soạn thảo nhiều văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Chỉ thị số 18/2004/CT-BKHCN ngày 14/7/2004 về việc tăng cường công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ và quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký ban hành là một trong số những văn bản như thế. Hiệu quả bước đầu cho thấy cần phải nhanh chóng bảo vệ các kết quả của hoạt động sáng tạo thông qua hệ thống pháp luật và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo được lợi ích quốc gia, đồng thời tôn trọng nghiêm túc các cam kết quốc tế về sở hữu trí tuệ. Vì vậy, về tổng thể, Việt Nam cần phải đổi mới toàn bộ cấu trúc của hệ thống các quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ, thông qua việc xây dựng và ban hành Luật Sở hữu trí tuệ như một đạo

luật chuyên ngành thống nhất, điều chỉnh các quan hệ liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

Trước trọng trách đó, ngày 22/09/2004, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã quyết định thành lập Tổ Biên tập Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm các cán bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Văn hóa – Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và một số bộ ngành liên quan. Sau 3 tháng xây dựng nội dung, vào tháng 01/2005, Dự thảo Luật Sở hữu trí tuệ đã nhanh chóng được hoàn thành và trình Chính phủ.

Trong quá trình xây dựng dự thảo Luật, Cục Sở hữu trí tuệ càng nhận thấy rõ giá trị của tài sản trí tuệ đối với doanh nghiệp và đã tiến hành nghiên cứu, đánh giá hiện trạng tình hình quản lý tài sản trí tuệ của doanh nghiệp Việt Nam để có được bức tranh tổng thể. Sau đó, Cục đã trình lên các cấp có thẩm quyền xem xét một Chương trình quốc gia nhằm thúc đẩy nhanh quá trình xác lập, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp. Ngày 04/04/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 68/2005/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.” Chính phủ đã giao cho Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý và chủ trì triển khai việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

Ngày 29/11/2005, Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Sở hữu trí tuệ (số 50/1005/QH11) bao gồm 6 phần, 18 Chương, 222 Điều. Sự kiện quan trọng này đánh dấu một giai đoạn mới của quá trình phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ trong nước. Cùng với Bộ Luật Dân sự 2005, hai văn bản này đã tạo thành một hệ thống các quy định hoàn chỉnh và thống nhất về quyền sở hữu trí tuệ thay thế cho các quy định trước đây, tạo nền tảng pháp lý cơ bản để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đây cũng chính là nền tảng quan trọng cho quá trình gia nhập WTO cũng như quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam trong tương lai, góp phần thúc đẩy hơn nữa các hoạt động sáng tạo, phát triển môi trường cạnh tranh lành mạnh.

Luật Sở hữu trí tuệ chính là cơ sở để hiện thực hóa mục tiêu hạn chế tình trạng xâm



Lễ đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 2007.

phạm quyền sở hữu trí tuệ mà Việt Nam luôn mong muốn đạt được. Những năm sau đó, Cục Sở hữu trí tuệ đã tích cực hỗ trợ nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân và tham gia các hoạt động tư pháp, tố tụng liên quan đến việc giải quyết tranh chấp quyền sở hữu công nghiệp tại tòa án; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thực thi xử lý hàng trăm vụ vi phạm hành chính và xâm phạm về sở hữu công nghiệp.

Trên nền tảng Luật Sở hữu trí tuệ 2005, hoạt động sở hữu trí tuệ tại Việt Nam đã bước vào giai đoạn phát triển mới, một loạt văn bản pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ đã được Cục Sở hữu trí tuệ chủ trì, phối hợp xây dựng và đã được ban hành.

Khi hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ tại Việt Nam đi vào vận hành một cách ổn định, Cục lại đứng trước một vấn đề lớn cần giải quyết, đó là làm thế nào để các cá nhân, doanh nghiệp Việt Nam có thể nộp đơn đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài một cách thuận tiện nhất? Với sự hỗ trợ của WIPO, ngày 11/07/2006. Việt Nam đã chính thức gia nhập Nghị định thư Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu. Việc Việt Nam

tham gia Nghị định thư Madrid cùng với Thỏa ước Madrid trước đó giúp các doanh nghiệp Việt Nam có thể nộp đơn vào các quốc gia là thành viên của cả hai văn kiện trên. Nổi tiếp sau đó, Việt Nam đã có các hoạt động hợp tác với các cơ quan trên thế giới như Cơ quan Sáng chế châu Âu, Cơ quan Sáng chế Nhật Bản, Cơ quan Sở hữu trí tuệ Nhà nước Trung Quốc, Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Liên bang Nga, v.v. thông qua việc ký kết các chương trình hợp tác về sở hữu trí tuệ.

25 năm sau ngày thành lập, từ một cơ quan chuyên trách chỉ bao gồm các tổ chuyên môn và phạm vi hoạt động chủ yếu liên quan đến bảo hộ sáng chế và nhãn hiệu, Cục đã nỗ lực hội nhập quốc tế và không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều khía cạnh của lĩnh vực sở hữu trí tuệ, qua đó đóng góp không nhỏ vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Năm 2007, Cục Sở hữu trí tuệ đã đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì - một sự ghi nhận và tưởng thưởng xứng đáng của Nhà nước đối với những đóng góp quan trọng của Cục vào sự phát triển của nền kinh tế và cho đất nước.



Lễ đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 2012.



Hội nghị toàn quốc về quản lý sở hữu trí tuệ năm 2013 tại Hà Tĩnh.

Sau 5 năm kể từ khi đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục vinh dự được trao Huân chương Lao động Hạng Nhất. Đây là một mốc son mới trong quá trình phát triển của Cục Sở hữu trí tuệ qua 30 năm phát triển cũng như khẳng định sứ mệnh của Cục trong công cuộc thúc đẩy phát triển tài sản trí tuệ để góp phần vào lộ trình phát triển nền kinh tế tri thức trong thời gian tới.

Hai năm sau đó, tuy Việt Nam và thế giới chưa hoàn toàn ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính nhưng những hoạt động sở hữu trí tuệ trong nước vẫn giữ được đà tăng trưởng. Trong vai trò chủ trì, Cục Sở hữu trí tuệ đã đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Luật Sở hữu trí tuệ¹ nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo, hoàn thiện hệ thống quản lý quyền sở hữu trí tuệ theo

(1) Ngày 19/6/2009, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội thông qua.

hướng đáp ứng các yêu cầu của Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS), v.v.. Lần sửa đổi luật đầu tiên này đã đem lại sự đổi mới và hoàn thiện hơn cho hệ thống luật pháp sở hữu trí tuệ của Việt Nam.

Năm 2010, Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục đón nhận một sự kiện quan trọng khác, đó là ngày 13/02/2010, tại Văn bản số 1047/VPCP-KTTH, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Cục Sở hữu trí tuệ được thực hiện cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt



Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ Đinh Hữu Phí (ngoài cùng bên phải) tiếp Tổng Giám đốc Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới Francis Gurry (giữa) trong chuyến thăm Việt Nam năm 2017.

động theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ.

TỪ NĂM 2010 ĐẾN NAY: ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÀ HỘI NHẬP SÂU RỘNG

Cũng từ giai đoạn này, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động Cục Sở hữu trí tuệ cũng đã mở rộng để khẳng định vị trí và vai trò trung tâm trong hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia. Chương trình phát triển tài sản trí tuệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lần đầu tiên vào năm 2005 theo Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 04/4/2005 với mục tiêu nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ cho các chủ thể quyền trong bối cảnh Việt Nam đang trong những năm đầu tiên thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hoa Kỳ, chuẩn bị các điều kiện để thi hành Luật Sở hữu trí tuệ (2005) và gia nhập WTO (năm 2007).

Sau hơn 15 năm triển khai trên phạm vi toàn quốc, Chương trình đã đánh dấu bước ngoặt quan trọng cho nhiều hoạt động của các cơ quan trong hệ thống sở hữu trí tuệ. Chương trình đã có sự lan tỏa mạnh mẽ, nhận được sự hưởng ứng tích cực của các địa phương, các viện, trường và các chủ thể quyền, góp phần đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

ĐỊNH HÌNH MỘT CHU KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

Giai đoạn này cũng chứng kiến sự thay đổi quan trọng về cơ cấu tổ chức của Cục Sở hữu trí tuệ. Ngày 04/9/2018, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký Quyết định số 2525/QĐ-BKH-CN ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ. Theo đó, 21 đơn vị trực thuộc Cục được sắp xếp lại thành 17 đơn vị, trong đó, số lượng phòng giảm từ 16 phòng còn 07 phòng và số lượng



Tổng Giám đốc Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới Francis Gurry (giữa) thăm Cục Sở hữu trí tuệ năm 2017.

VIỆT NAM HIỆN THAM GIA 13 ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ BAO GỒM:

1. Công ước Berne năm 1886 về bảo hộ tác phẩm văn học và nghệ thuật, gia nhập ngày 26/07/2004 (hiệu lực từ ngày 26/10/2004).
2. Công ước Brussel năm 1974 về bảo hộ tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa, gia nhập ngày 12/10/2005 (hiệu lực từ ngày 12/01/2006).
3. Thỏa ước Madrid năm 1891 về đăng ký quốc tế về nhãn hiệu, tuyên bố tiếp tục áp dụng ngày 17/9/1956 (hiệu lực từ ngày 25/6/1939).
4. Nghị định thư liên quan đến thỏa ước năm 1989, gia nhập ngày 11/04/2006 (hiệu lực từ ngày 11/07/2006).
5. Công ước Paris về sở hữu công nghiệp (hiệu lực từ ngày 08/3/1949).
6. Hiệp ước hợp tác sáng chế PCT, gia nhập ngày 10/12/1992 (hiệu lực từ ngày 10/3/1993).
7. Công ước Geneva bảo hộ nhà sản xuất bản ghi âm chống việc sao chép không được phép bản ghi âm của họ, gia nhập ngày

- 06/4/2005 (có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 06/7/2005).
8. Công ước Rome năm 1961 về bảo hộ người biểu diễn, nhà xuất bản, ghi âm và tổ chức phát sóng, gia nhập ngày 01/12/2006 (hiệu lực từ ngày 01/3/2007).
9. Công ước UPOV về bảo hộ giống cây trồng mới, gia nhập ngày 24/11/2006 (hiệu lực từ ngày 24/12/2006).
10. Công ước WIPO - Công ước Stockholm năm 1967 thành lập tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) – Tuyên bố tiếp tục áp dụng ngày 07/04/1981 (hiệu lực từ ngày 02/7/1976).
11. Thỏa ước La Hay về đăng ký quốc tế Kiểu dáng Công nghiệp, gia nhập ngày 30/9/2019 (hiệu lực từ ngày 30/12/2019).
12. Hiệp ước Budapest về nộp lưu chủng vi sinh, gia nhập ngày 01/3/2021 (hiệu lực từ ngày 01/6/2021).
13. Hiệp ước WIPO về quyền tác giả, gia nhập ngày 17/11/2021 (hiệu lực từ ngày 17/02/2022).

Ngày 16/6/2022, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật số 07/2022/QH15).

Thực hiện nhiệm vụ do Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ giao, trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã phối hợp với các đơn vị liên quan trong Bộ cũng như các cơ quan liên quan xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. Ngày 16/6/2022, Luật đã được Quốc hội biểu quyết thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2023.

Luật sửa đổi, bổ sung 102 Điều của Luật Sở hữu trí tuệ hiện hành đồng thời sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá, Luật Hải quan, Luật Khoa học và Công nghệ, Luật

Quản lý, sử dụng tài sản công để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Một trong những nội dung sửa đổi, bổ sung quan trọng và nổi bật nhất của Luật, thu hút được nhiều sự quan tâm, ý kiến góp ý của đại biểu Quốc hội đó là quy định trao quyền đăng ký sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì một cách tự động và không bồi hoàn, đồng thời có cơ chế phân chia hợp lý lợi ích giữa Nhà nước, cơ quan chủ trì và tác giả phù hợp với với tinh thần của Nghị quyết số 20-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành TW Đảng khóa 11. Quy định này không chỉ khắc phục các bất cập hiện nay về việc đăng ký và khai thác

trung tâm tăng từ 03 lên thành 08, cùng với hai văn phòng đại diện.

Quá trình này diễn ra không lâu sau khi Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW trong Hội nghị lần thứ 6 vào năm 2017. Cục Sở hữu trí tuệ đã tiến hành tái cơ cấu theo đúng chủ trương của Nghị quyết: đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

Việc thành lập một loạt trung tâm đã góp phần tách bạch hoạt động quản lý nhà nước với hoạt động sự nghiệp về sở hữu trí tuệ. Đây là cơ sở quan trọng để Cục thực hiện việc kiện toàn nguồn nhân lực và đổi mới phương thức làm việc, qua đó giải quyết những bất cập về cơ cấu tổ chức và nhân lực, góp phần khích lệ tinh thần làm việc cho đội ngũ cán bộ của Cục, đặc biệt là những cán bộ giàu kinh nghiệm và gắn bó lâu năm.

Ngoài thay đổi cơ cấu, Cục Sở hữu trí tuệ cũng đưa vào vận hành Hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính theo cơ chế Một cửa, Một cửa liên thông (Bộ phận Một cửa) và Bộ phận Tư vấn, hỗ trợ người nộp

đơn (IP HelpDesk). Những cải tiến này không chỉ giúp rút ngắn thời gian giao dịch mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp đơn khi thực hiện thủ tục xác lập quyền.

Trong 5 năm gần đây, để thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ trong nước và hài hòa quy định của Việt Nam với quốc tế - một trong số những điểm then chốt để Việt Nam tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, Cục Sở hữu trí tuệ đã chủ trì xây dựng nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ nhằm thi hành các cam kết theo Hiệp định CPTPP mà Việt Nam phải thi hành kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam. Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ vào tháng 6/2019 để thực hiện mục tiêu này.

Những yêu cầu mới trong quá trình phát triển, cả từ bên ngoài lẫn nội tại, đặt ra cho Cục Sở hữu trí tuệ một bài toán cấp thiết, đó là thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực sở hữu trí tuệ song song với việc nội luật hóa các cam kết quốc tế trong các FTA và khắc phục những bất cập sau hơn 17 năm thi hành của Luật Sở

các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ do nhà nước đầu tư mà còn được kỳ vọng sẽ là cú hích để khuyến khích các chủ thể nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ động đăng ký, khai thác các sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí được tạo ra; thúc đẩy quan hệ hợp tác với doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ, thương mại hóa và thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư để phát triển, nghiên cứu sản phẩm, qua đó thu về nhiều lợi ích kinh tế cũng như đạt được các mục tiêu về an sinh xã hội.



Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ trình bày Tờ trình về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XV (nguồn: Cổng thông tin điện tử Văn phòng Quốc hội).

hữu trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ đã thực hiện vai trò đầu mối, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ để trình Quốc hội.

MỞ RỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Bối cảnh quốc tế mới đặt ra nhiệm vụ mới cho Cục Sở hữu trí tuệ: phải xây dựng được một hệ thống pháp luật về sở hữu trí tuệ không chỉ hài hòa với chuẩn mực thế giới mà còn phải đảm bảo giữ vững lợi ích quốc gia khi các hiệp định này được ký kết và chính thức có hiệu lực. Ý thức được trọng trách đó, Cục Sở hữu trí tuệ đã có nhiều hoạt động tích cực để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cùng với việc tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện Luật Sở hữu trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ cũng có những nghiên cứu, phân tích sâu và toàn diện khi xây dựng phương án đàm phán để bảo đảm quyền và lợi ích của quốc gia trong khuôn khổ các hiệp định thương mại tự do đa phương và song phương.

Trong khuôn khổ hoạt động các tổ chức mà Việt Nam là thành viên như WTO, APEC,

v.v., Cục Sở hữu trí tuệ thường xuyên theo dõi, nghiên cứu, cập nhật quy định về sở hữu trí tuệ của các tổ chức mà Việt Nam là thành viên, cũng như xây dựng lập trường của Việt Nam để phục vụ việc tham gia các phiên họp, đàm phán. Cục Sở hữu trí tuệ cũng chủ trì đàm phán nội dung về sở hữu trí tuệ trong các FTA khác như Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN và 6 đối tác là Trung Quốc - Ấn Độ - Nhật Bản - Hàn Quốc - Ôxtrâyliá - Niu Dilân (Hiệp định RCEP - đã được ký kết), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Khối thương mại tự do châu Âu bao gồm Na Uy - Thụy Sĩ - Ai-xơ-len và Lichtenxtên (VN-EFTA), Hiệp định ASEAN - Hồng Kông (AHK FTA); Hiệp định Thương mại mới Việt Nam - Cu Ba, v.v..

Là cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, Cục Sở hữu trí tuệ đã nghiên cứu, phân tích sâu và toàn diện để xây dựng phương án đàm phán, bảo đảm quyền và lợi ích của quốc gia cũng như duy trì quan điểm về hệ thống sở hữu trí tuệ phù hợp với trình độ phát triển của Việt Nam, cân bằng giữa quyền lợi của chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích chung của toàn xã hội. Các cam kết về sở



Cục trưởng Freddy Harris bàn giao vị trí Chủ tịch Nhóm AWGIPC cho Cục trưởng Đinh Hữu Phí tại Bangkok, Thái Lan ngày 29/3/2019.



Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ Đinh Hữu Phí phát biểu tại Lễ chuyển giao vị trí Chủ tịch Nhóm AWGIPC cho Philippines, tháng 3/2021.

hữu trí tuệ trong các FTA thế hệ mới có tác động toàn diện đến hệ thống sở hữu trí tuệ của Việt Nam. Bởi vậy, Cục Sở hữu trí tuệ và các cơ quan thực thi khác, nhất là hải quan, tòa án đã liên tục trang bị năng lực cần thiết, từ hạ tầng kỹ thuật, đến thượng tầng thông tin và đội ngũ cán bộ có chuyên môn nghiệp vụ, v.v. để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hệ thống này. Có thể nói, cột mốc quan trọng nhất của hoạt động sở hữu trí tuệ giai đoạn này là việc tham gia đàm phán ký kết Hiệp định TPP, tạo nền tảng quan trọng cho hành trình dài phía trước để Việt Nam đàm phán đưa đến ký kết được Hiệp định EVFTA và Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

CƠ CHẾ TÀI CHÍNH ĐẶC THÙ GIÚP CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ CHỦ ĐỘNG VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH

Năm 2010, Cục Sở hữu trí tuệ được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư (tại Văn bản số 1047/VPCP-KTTH, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Cục Sở hữu trí tuệ được thực hiện cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

Tới năm 2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 20/3/2017 cho phép Cục Sở hữu trí tuệ được áp dụng cơ chế tự chủ tài chính như đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

Nhờ có cơ chế tự chủ tài chính, Cục Sở hữu trí tuệ đã chủ động được tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả nổi bật, mang lại hiệu quả thiết thực, đưa hoạt động sở hữu công nghiệp nói riêng và lĩnh vực sở hữu trí tuệ nói chung ngày càng trở thành động lực quan trọng không thể thiếu trong quá trình hình thành một nền kinh tế toàn diện và phát triển bền vững của đất nước.



Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt và đoàn cán bộ cấp cao Việt Nam thăm Trụ sở WIPO tại Thụy Sĩ, ngày 29/11/2021.

Để hưởng lợi từ các hiệp định, Việt Nam phải đáp ứng đầy đủ các cam kết về sở hữu trí tuệ theo đúng lộ trình đặt ra. Điều này đã được hiện thực hóa thông qua hai lần sửa đổi Luật Sở hữu trí tuệ (lần thứ nhất vào năm 2019, lần thứ hai năm 2022) do Cục tham gia soạn thảo dưới sự chủ trì của Bộ Khoa học và Công nghệ, phối hợp với một số bộ, ngành có liên quan. Trong đó, lần thứ hai cũng là lần sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ lớn nhất từ trước đến nay, bao trùm cả ba đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ: sở hữu công nghiệp, quyền tác giả và quyền liên quan, giống cây trồng.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã gia nhập Thỏa ước La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp vào ngày 30/9/2019. Sự kiện này đánh dấu sự tham gia của Việt Nam vào cả 3 hệ thống đăng ký quốc tế lớn về sở hữu công nghiệp, bao gồm PCT, Madrid và La Hay. Đến ngày 01/3/2021, Việt Nam tiếp tục tham gia Hiệp ước Budapest về Công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm tiến hành các thủ tục về sáng chế.

Việc tham gia các hiệp ước nêu trên vừa đáp ứng cam kết trong các hiệp định thương mại, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam khi hội nhập quốc tế. Chẳng hạn, với Thỏa ước La Hay, tổ chức, cá nhân đăng ký kiểu dáng công nghiệp của Việt Nam không cần phải nộp các đơn quốc

gia riêng biệt mà chỉ cần nộp một đơn duy nhất vào một cơ quan duy nhất là Văn phòng quốc tế của WIPO, trong đó chỉ định các quốc gia muốn được bảo hộ. Để giúp các doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, Cục Sở hữu trí tuệ không chỉ tham gia chuẩn bị thủ tục gia nhập mà còn tổ chức nhiều hội thảo, sự kiện nhằm tuyên truyền, phổ biến nội dung của các hiệp định này.

Với những nỗ lực và kết quả đạt được trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, Việt Nam đã nhận được sự tin nhiệm của các đối tác quốc tế. Ngày 02/10/2017, Việt Nam được bầu làm Chủ tịch Đại hội đồng WIPO nhiệm kỳ 2018 - 2019. Việc lần đầu tiên trúng cử vào vị trí Chủ tịch Đại hội đồng WIPO ghi nhận một dấu mốc quan trọng trong hoạt động đối ngoại đa phương của Việt Nam, giúp nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam tại diễn đàn WIPO nói riêng và trên trường quốc tế nói chung.

Ngày 29/3/2019, tại Bangkok, Thái Lan, Cục Sở hữu trí tuệ đã đại diện cho Việt Nam tiếp nhận vai trò Chủ tịch Nhóm công tác về hợp tác Sở hữu trí tuệ các nước ASEAN (AWGIPC) nhiệm kỳ 2019 - 2021 từ Indonesia. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử tham gia hợp tác ASEAN về sở hữu trí tuệ, Việt Nam đảm nhiệm trọng trách này.

Được sự ủng hộ của các nước thành viên ASEAN và Ban Thư ký ASEAN, Cục Sở hữu

trí tuệ đã thực hiện tốt trọng trách Chủ tịch AWGIPC, chủ động, tích cực điều phối hoạt động của AWGIPC vượt qua khó khăn do đại dịch COVID-19, linh hoạt chuyển đổi phương thức tổ chức các hoạt động từ trực tiếp sang trực tuyến và triển khai hoạt động hợp tác ASEAN về sở hữu trí tuệ theo đúng lộ trình và mục tiêu đề ra.

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA ĐẦU TIÊN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019.

Đây là chiến lược quốc gia đầu tiên của Việt Nam về sở hữu trí tuệ, đánh dấu một bước phát triển mới trong lĩnh vực này. Một trong số những mục tiêu đặt ra trong Nghị quyết số 52-NQ/TW do Bộ Chính trị khóa XII ban hành ngày 27/9/2019 là đến năm 2025, Việt Nam sẽ duy trì xếp

hạng chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc ba nước dẫn đầu ASEAN. Tuy nhiên trên thực tế, hoạt động sở hữu trí tuệ ở Việt Nam vẫn chưa phát huy đầy đủ vai trò của mình. Số lượng tài sản trí tuệ của Việt Nam, đặc biệt là sáng chế chưa nhiều, giá trị tài sản còn nhỏ, chưa có nhiều sản phẩm trí tuệ mang tính đột phá và có giá trị cạnh tranh trong khu vực cũng như thế giới.

Để gỡ những nút thắt này, Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đã xác định nhiều mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ, tập trung vào chu trình phát triển tài sản trí tuệ: từ bước sáng tạo, xác lập quyền, khai thác và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Các nội dung được xác định rất cụ thể, chẳng hạn về mục tiêu, tăng số lượng đơn và bằng độc quyền sáng chế trung bình 16-18%/năm, số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 8-10%/năm, v.v..



Các đại biểu tham dự Hội nghị tổng kết Chương trình 68 giai đoạn 2005 - 2010.

CÔNG TÁC TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Việc ban hành Luật Sở hữu trí tuệ và hệ thống các văn bản hướng dẫn đã tạo hành lang pháp lý thúc đẩy việc tăng trưởng nhanh chóng số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp. Trong giai đoạn 2004 - 2021, Cục Sở hữu trí tuệ đã:

- Tiếp nhận 79.801 đơn đăng ký sáng chế (Việt Nam: 8.266, nước ngoài: 71.535) và cấp 26.999 Bằng độc quyền sáng chế (Việt Nam: 1.318, nước ngoài: 25.681);

- Tiếp nhận 6.801 đơn đăng ký giải pháp hữu ích (Việt Nam: 4.501, nước ngoài: 2.300) và cấp 2.430 Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (Việt Nam: 1.778, nước ngoài: 652);

- Tiếp nhận 40.428 đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp (Việt Nam: 25.892, nước ngoài: 14.536) và cấp 26.713 Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (Việt Nam: 16.179, nước ngoài: 10.534);

- Tiếp nhận 622.254 đơn đăng ký nhãn hiệu (Việt Nam: 494.163, nước ngoài: 128.091) và



Vài thiều Lục Ngạn và thanh long Bình Thuận được bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Nhật Bản thuộc top 10 sự kiện khoa học và công nghệ năm 2021.

- cấp 356.183 Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (Việt Nam: 264.441, nước ngoài: 91.742);

- Tiếp nhận 131 đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý (Việt Nam: 117; nước ngoài: 14) và cấp được 112 Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý (Việt Nam: 104; nước ngoài: 8);

- Tiếp nhận 105.630 đơn đăng ký nhãn hiệu quốc tế, đã xử lý được 100.722 đơn, trong đó bảo hộ 76.334 đơn và từ chối bảo hộ 24.388 đơn.

MỘT SỐ SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2003 ĐẾN NAY

19/5/2003: Cục Sở hữu công nghiệp được đổi tên thành Cục Sở hữu trí tuệ, theo Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ.

17/9/2004: Thành lập Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại TP. Hồ Chí Minh.

25/3/2005: Thành lập Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng.

04/4/2005: Chương trình phát triển tài sản trí tuệ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt lần đầu tiên theo Quyết định số 68/2005/QĐ-TTg.

29/11/2005: Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 8 đã thông qua Luật Sở hữu trí tuệ (số 50/1005/QH11).

11/7/2006: Nghị định thư Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu (Nghị định thư Madrid) chính thức có hiệu lực tại Việt Nam.

11/01/2007: Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO.

29/7/2007: Cục Sở hữu công nghiệp đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhì.

25/12/2008: Ký kết Hiệp định đối tác Kinh tế



Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt (hàng đầu, thứ hai từ trái sang), Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Lê Ánh Dương (hàng đầu, thứ ba từ trái sang) tham quan các gian hàng trưng bày tại Hội nghị Sở hữu trí tuệ năm 2022.

Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA - có hiệu lực từ ngày 01/10/2009).

27/02/2009: Ký kết Hiệp định Khu vực thương mại tự do giữa ASEAN với Úc và New Zealand (AANZFTA - có hiệu lực từ ngày 01/01/2010).

19/6/2009: Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội thông qua (số 36/2009/QH12).



Đại biểu các nước ASEAN thăm trường Đại học Bách khoa Hà Nội trong khuôn khổ Hội thảo khu vực ASEAN về Phát triển mạng lưới TISC do WIPO, JPO phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức tại Hà Nội, tháng 3/2019.



Đạp xe chào mừng kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2014.



Thứ trưởng kiêm Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ Trần Việt Thanh phát động Đi bộ vì âm nhạc và sở hữu trí tuệ, Hướng ứng Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4 năm 2015.

19- 20/01/2010: Tổ chức thành công chuyến thăm Việt Nam của Tổng Giám đốc WIPO.

13/02/2010: Tại Văn bản số 1047/VPCP-KTTH, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép Cục Sở hữu trí tuệ được thực hiện cơ chế tài chính như đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi phí hoạt động theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

06/12/2010: Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2204/QĐ-TTg.

29/7/2012: Cục Sở hữu công nghiệp đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất.

05/05/2015: Ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (có hiệu lực từ ngày 20/12/2015).

29/5/2015: Ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á Âu (có hiệu lực từ ngày 05/10/2016).

14/6/2016: Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1062/QĐ-TTg.

29/9/2016: Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam thăm và làm việc với Cục Sở hữu trí tuệ.

24/02/2017: Triển khai tiếp nhận đơn đăng ký sở hữu công nghiệp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

21-23/3/2017: Tổ chức thành công chuyến thăm Việt Nam của Tổng Giám đốc WIPO.

02/10/2017: Việt Nam được bầu làm Chủ tịch Đại hội đồng WIPO nhiệm kỳ 2018 - 2019.

08/3/2018: Ký kết Hiệp định Đối tác Toàn



Lễ kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2016 tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội với chủ đề “Sáng tạo số: Tài hiện văn hóa”.



Lễ kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2017 tại Hà Nội với chủ đề “Đổi mới sáng tạo – Cải thiện cuộc sống”.



Kỷ niệm ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4/2018 với chủ đề “Tiếp sức cho những thay đổi - Phụ nữ với hoạt động đổi mới sáng tạo” tại Hà Nội.



Lễ kỷ niệm Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới năm 2019 tại Hà Nội với chủ đề “Vươn tới Giải Vàng: Sở hữu trí tuệ và Thể thao”.

diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14/01/2019.

04/9/2018: Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ký Quyết định số 2525/QĐ-BKH-CN ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ. Theo đó, Cục sắp xếp, tổ chức lại 21 đơn vị trực thuộc (gồm 16 phòng, 02 văn phòng đại diện và 03 trung tâm) thành 17 đơn vị (gồm 07 phòng, 02 văn phòng đại diện và 08 trung tâm).

27/3/2019: Thành lập Bộ phận Một cửa tại Cục Sở hữu trí tuệ.

29/3/2019: Việt Nam lần đầu tiên đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Nhóm Công tác về Hợp tác sở hữu trí tuệ các nước ASEAN (AWGIPC).

14/6/2019: Quốc hội thông qua Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ (số 42/2019/QH14).

30/06/2019: Ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (Quốc hội Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8/6/2020).

22/8/2019: Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành theo Quyết định số 1068/QĐ-TTg.

30/9/2019: Việt Nam nộp Văn kiện gia nhập Thỏa ước La Hay về đăng ký quốc tế kiểu dáng công nghiệp cho WIPO (có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 30/12/2019).

01/12/2019: Triển khai việc tham gia hệ thống ePCT (hệ thống xử lý đơn đăng ký quốc tế sáng chế theo Hiệp ước PCT trực tuyến) và chính thức sử dụng ePCT để xử lý đơn đăng ký quốc tế



Chương trình đi bộ tuần hành chào mừng Ngày Sở hữu trí tuệ Thế giới năm 2021 tại TP. Hồ Chí Minh với chủ đề “Sở hữu trí tuệ & Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Mang ý tưởng của bạn đến với thị trường”.



Toàn cảnh Lễ hưởng ứng Ngày Đón chào sáng tạo quốc gia và Ngày Sở hữu trí tuệ Thế giới 2022.

sáng chế nguồn gốc Việt Nam theo Hiệp ước PCT.

15/11/2020: Ký kết Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa ASEAN và 5 đối tác (RCEP) (có hiệu lực từ 01/01/2022).

01/12/2020: Thành lập Bộ phận Tư vấn và hướng dẫn thủ tục đăng ký sở hữu công nghiệp (Bộ phận IP Help Desk).

24/12/2020: Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 2205/QĐ-TTg.

29/12/2020: Ký kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh.

01/3/2021: Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Hiệp ước Budapest về Công nhận quốc tế đối với việc nộp lưu chủng vi sinh nhằm các mục đích trong thủ tục về sáng chế (có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 01/6/2021).

16/6/2022: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội thông qua (số 07/2022/QH15), có hiệu lực từ ngày 01/01/2023.

Với sự hỗ trợ của WIPO và KIPO, lần đầu tiên Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua việc triển khai trực tiếp của Cục Sở hữu trí tuệ, tổ chức thành công Cuộc thi Sáng chế năm 2013 nhằm truyền thông cho công chúng xã hội về vai trò của tài sản trí tuệ, vinh danh các nhà sáng chế đã tạo ra những giải pháp kỹ thuật, có tính ứng dụng rộng rãi, dễ dàng và tiết kiệm, đáp ứng các nhu cầu thiết thực của cuộc sống. Cuộc thi Sáng chế tiếp tục được tổ chức vào năm 2014 và 2018 và tạo được những hiệu ứng tích cực trong xã hội.



Lễ trao giải Cuộc thi Sáng chế năm 2013.



Lễ Công bố Cuộc thi Sáng chế năm 2014.



Lễ trao giải Cuộc thi Sáng chế năm 2018.

PHẦN 2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐẾN NĂM 2030

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1068/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030.

Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, với sự phối hợp của các Bộ, ngành liên quan (Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Y tế, Tài chính, Công an, Thông tin và Truyền thông, Giáo dục và Đào tạo...) và sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới. Đây là lần đầu tiên Việt Nam ban hành một chiến lược mang tầm quốc gia về sở hữu trí tuệ, đánh dấu một bước phát triển mới trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, khẳng định sở hữu trí tuệ là công cụ quan trọng góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo cũng như phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước.

Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 gồm ba phần: Quan điểm chỉ đạo, Mục tiêu và Nhiệm vụ, Giải pháp. Chiến lược cũng xác định một số đề án, nhiệm vụ cần được ưu tiên thực hiện cho giai đoạn đến năm 2025 - đây là một trong những nhiệm vụ tác động trực tiếp tới hiệu quả hoạt động sở hữu trí tuệ ở cả ba lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng trong thời gian tới. Các hợp phần nội dung của Chiến lược được xây dựng theo chu trình của hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm các khâu sáng tạo, xác lập, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

Chiến lược định hướng sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ Việt Nam trong giai đoạn tới theo ba quan điểm chỉ đạo lớn, đó là:

- Phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ đồng bộ, hiệu quả ở tất cả các khâu sáng tạo, xác lập, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng

tạo, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Chính sách sở hữu trí tuệ là một bộ phận không thể tách rời trong chiến lược, chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của quốc gia và các ngành, lĩnh vực.

- Hoạt động sở hữu trí tuệ có sự tham gia tích cực của tất cả các chủ thể trong xã hội, trong đó viện nghiên cứu, trường đại học, các cá nhân hoạt động sáng tạo, đặc biệt là các doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ.

Trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo đó, Chiến lược đặt ra năm nhóm mục tiêu phấn đấu đạt được, cụ thể là:

- Đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu ASEAN về trình độ sáng tạo, bảo hộ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ.

- Việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, công bằng, đáp ứng kịp thời yêu cầu của doanh nghiệp và xã hội.

- Hiệu quả thực thi pháp luật sở hữu trí tuệ được nâng cao rõ rệt, tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ giảm đáng kể.

- Tài sản trí tuệ mới của cá nhân, tổ chức Việt Nam gia tăng cả về số lượng và chất lượng, cải thiện vượt bậc các chỉ số về sở hữu trí tuệ của Việt Nam trong chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu.

Ở mục tiêu này, các chỉ tiêu định lượng về số đơn đăng ký và văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp/quyền đối với giống cây trồng của cá nhân, tổ chức Việt Nam cũng được xác định rõ, ví dụ như: số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng

chế tăng trung bình 16-18%/năm, số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tăng trung bình 6-8%/năm, số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 8-10%/năm; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 12 - 14%/năm... Đây là các chỉ tiêu định lượng có thể tác động tới kết quả xếp hạng của Việt Nam trong Bảng xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), đồng thời cũng sẽ là một trong các tiêu chí thể hiện chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia.

- Hiệu quả sử dụng quyền sở hữu trí tuệ được nâng cao và gia tăng đáng kể số lượng sản phẩm có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao: Tỷ lệ sáng chế được khai thác thương mại đạt 8-10% số sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ; có ít nhất 1-2 giống cây trồng được khai thác quyền ở nước ngoài; phần đầu đến năm 2030 doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên quyền tác giả, quyền liên quan đóng góp khoảng 7% GDP, phát triển một số ngành công nghiệp có mức độ sử dụng tài sản trí tuệ cao...

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Chiến lược đặt ra chín nhóm nhiệm vụ, giải pháp cần triển khai thực hiện, bao gồm các nhóm giải pháp về: (i) Hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ; (ii) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; (iii) Tập trung đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ; (iv) Thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ; (v) Khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ; (vi) Phát triển các hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ; (vii) Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động sở hữu trí tuệ; (viii) Hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội và (ix) Tích cực, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ.

Mỗi nhóm nhiệm vụ, giải pháp gồm nhiều nhiệm vụ và giải pháp cụ thể và đều cần có sự tham gia tích cực của tất cả các chủ thể trong hệ thống sở hữu trí tuệ. Trong đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần phát huy mạnh vai trò tạo dựng cơ chế, chính sách thuận lợi, minh bạch để các chủ thể sáng tạo và khai thác quyền sở hữu trí tuệ phát huy tối đa năng lực đổi mới sáng tạo của mình. Hệ thống cơ

quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ phải được kiện toàn theo hướng kiến tạo và hiệu quả; xác định, củng cố các đầu mối chuyên trách về sở hữu trí tuệ tại các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan ở trung ương và địa phương; đẩy mạnh cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ. Trình tự, thủ tục hành chính về sở hữu trí tuệ được công khai, minh bạch, đơn giản hóa, hiện đại hóa. Hệ thống cơ sở dữ liệu về sở hữu trí tuệ được xây dựng liên thông và kết nối đồng bộ giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Hiệu quả hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần được nâng cao rõ rệt thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền, tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt trong môi trường kỹ thuật số và tại biên giới; nâng cao hiệu quả công tác điều tra các vụ án hình sự về sở hữu trí tuệ...

Bên cạnh đó, theo xu hướng phát triển của thế giới, Chiến lược cũng vượt ra khỏi phạm vi truyền thống của hoạt động sở hữu trí tuệ (tập trung chủ yếu vào hoạt động xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ) khi xác định rõ hơn các nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy hoạt động tạo ra và khai thác tài sản trí tuệ như: xây dựng, cung cấp các công cụ và dịch vụ thông tin sở hữu trí tuệ, bản đồ công nghệ cho các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp; sử dụng các chỉ số đo lường về sở hữu trí tuệ làm căn cứ đánh giá hiệu quả hoạt động của các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; hình thành và phát triển mạng lưới trung tâm chuyển giao công nghệ và sở hữu trí tuệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; đẩy mạnh thực hiện cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp có mức độ sử dụng tài sản trí tuệ cao, tạo ra các sản phẩm có uy tín và chất lượng, thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh sử dụng công cụ sở hữu trí tuệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh; phát triển thị trường tài sản trí tuệ lành mạnh theo hướng: mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ trung gian để tăng cường kết nối cung

cầu về tài sản trí tuệ; đẩy mạnh hoạt động đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, v.v..

Ngoài ra, hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ là một nhiệm vụ, giải pháp lần đầu tiên được đề cập tới, một hệ thống sở hữu trí tuệ vận hành hiệu quả chỉ khi cả xã hội có ý thức tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

Chiến lược sẽ là kim chỉ nam để các Bộ, ngành, địa phương chủ động lồng ghép nội dung sở hữu trí tuệ vào hoạt động quản lý nhà nước, từ đó triển khai thực hiện hoạt động sở hữu trí tuệ một cách hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và từng ngành, lĩnh vực nói riêng./.

XÂY DỰNG VÀ VẬN HÀNH HỆ THỐNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ QUỐC GIA THÂN THIỆN VÀ HIỆU QUẢ

Trong bối cảnh hiện nay, sở hữu trí tuệ có vai trò ngày càng quan trọng đối với sự phát triển của mỗi quốc gia và đang trở thành mối quan tâm chung của toàn thế giới. Sở hữu trí tuệ góp phần thúc đẩy hoạt động sáng tạo, đổi mới công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các chủ thể quyền thuộc mọi thành phần kinh tế; qua đó thúc đẩy hoạt động đầu tư và chuyển giao công nghệ, bảo vệ lợi ích quốc gia và hỗ trợ tích cực, có hiệu quả cho các hoạt động nghiên cứu - triển khai, sản xuất và kinh doanh. Trong hội nhập quốc tế, sở hữu trí tuệ đã và đang trở thành một trong số các vấn đề quan trọng hàng đầu, luôn là một nội dung thường trực trong các hiệp định đầu tư và thương mại quốc tế, trong đó có các hiệp định mà Việt Nam đã, đang và sẽ tham gia đàm phán và ký kết.

Bộ Khoa học và Công nghệ, trực tiếp là Cục Sở hữu trí tuệ được giao nhiệm vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ nói chung và trực tiếp tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước và các hoạt động sự nghiệp về sở hữu công nghiệp. Với vai trò giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện nhiệm vụ trên, trong những năm qua, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo trực tiếp của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, sự nỗ lực và quyết tâm của tập thể Lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động Cục Sở hữu trí tuệ nói riêng và toàn hệ thống sở hữu trí tuệ nói

chung, công tác quản lý nhà nước và các hoạt động sự nghiệp về sở hữu công nghiệp đã đạt được những thành tựu nhất định, góp phần quan trọng cho sự phát triển của khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, sự phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Trải qua 40 năm xây dựng và phát triển, các hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ đã góp phần hình thành, phát triển hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ của Việt Nam một cách đồng bộ, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Cục đã thực hiện tốt công tác xác lập quyền sở hữu công nghiệp, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; chủ động, tích cực trong hoạt động hợp tác quốc tế về sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Công tác đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao nhận thức của công chúng về sở hữu trí tuệ, thông tin sở hữu công nghiệp và hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ được triển khai một cách bài bản, có chất lượng, cơ bản đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Tuy vậy, nhiệm vụ trong thời gian tới của Cục Sở hữu trí tuệ còn rất nặng nề, đòi hỏi phải đổi mới, kiện toàn, phát huy năng lực sáng tạo của mỗi cá nhân để đảm nhiệm tốt các nhiệm vụ chính trị do Chính phủ, Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ giao, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của xã hội trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ mà Cục đóng vai trò quan trọng.

Mục tiêu phát triển

Mục tiêu tổng quát trong giai đoạn tiếp theo là Cục Sở hữu trí tuệ tiếp tục phấn đấu hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp về sở hữu công nghiệp theo quy định; khắc phục được những tồn tại trong tổ chức và hoạt động trong giai đoạn vừa qua. Từ đó, đưa Cục Sở hữu trí tuệ trở thành một cơ quan quản lý nhà nước hiện đại, hoạt động hiệu quả, trở thành một tổ chức trung tâm của hoạt động phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

Để đạt được mục tiêu tổng quát nêu trên, bên cạnh việc thực hiện các công việc thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ phải đạt được các mục tiêu ưu tiên sau:

- Bảo đảm vai trò đầu mối của Cục Sở hữu trí tuệ trong hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia: Hoàn thiện chính sách, pháp luật sở hữu trí tuệ để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; Nâng cao năng lực và hiệu quả trong công tác chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ, phối hợp tốt với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống sở hữu trí tuệ (bao gồm các Cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương, các đơn vị có liên quan trong Bộ Khoa học và Công nghệ); Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ, bổ trợ (đại diện sở hữu công nghiệp, giám định sở hữu công nghiệp, tư vấn về sở hữu trí tuệ, v.v.); Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thực hiện cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp kịp thời, có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu của xã hội trong hoạt động phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Bảo đảm vai trò đầu mối quốc gia của Cục Sở hữu trí tuệ trong các quan hệ quốc tế về sở hữu trí tuệ.

- Thực hiện xác lập quyền sở hữu công

nghiệp nhanh chóng, chất lượng: Phấn đấu xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp đúng thời hạn theo quy định của pháp luật tối thiểu 95% lượng đơn tiếp nhận hằng năm; Nâng cao chất lượng xử lý đơn đăng ký xác lập quyền, giám các trường hợp có các kết luận/quyết định xử lý khác nhau cho các vấn đề có cùng bản chất; Đơn giản hóa, minh bạch hóa quy trình xử lý đơn sở hữu công nghiệp, tạo điều kiện để người nộp đơn tiếp cận đầy đủ với thông tin về quá trình xử lý.

Các nhiệm vụ chính của Cục Sở hữu trí tuệ trong giai đoạn tới:

- Nâng cao vị trí, vai trò của Cục Sở hữu trí tuệ trong việc thực hiện chức năng cơ quan đầu mối của hệ thống sở hữu trí tuệ;

- Nâng cao chất lượng hiệu quả của công tác xây dựng chính sách, văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ để phục vụ công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

- Nâng cao chất lượng, bảo đảm thời hạn xử lý đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp; đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý điều hành và công tác chuyên môn của Cục;

- Chủ trì triển khai có hiệu quả Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;

- Tích cực, chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ;

- Đẩy mạnh việc cung cấp thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ hoạt động phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo;

- Tăng cường hiệu quả của công tác hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ đối với các Bộ, ngành và địa phương; tăng cường quản lý nhà nước đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ hỗ trợ về sở hữu công nghiệp;

- Nâng cao nhận thức của công chúng về sở hữu trí tuệ;

- Tổ chức, quản lý và mở rộng các hoạt động dịch vụ công trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ để phục vụ nhu cầu xã hội;

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ; trong đó chú trọng việc xây dựng quy trình xử lý công việc, xây dựng cơ chế tài chính phù hợp với tình hình mới.

Những giải pháp cần thực hiện

1. Nâng cao vị trí và vai trò của Cục Sở hữu trí tuệ

- Chủ động đề xuất với các cơ quan hữu quan triển khai các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm việc thi hành các điều ước quốc tế về sở hữu trí tuệ mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập;

- Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan (Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, v.v.) tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động chung của hệ thống (xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách, chiến lược chung về sở hữu trí tuệ, đặc biệt là Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030; theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; đàm phán, ký kết, gia nhập các điều ước quốc tế chung về sở hữu trí tuệ, v.v.);

- Triển khai các biện pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ trong phạm vi cả nước (xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, mạng thông tin quốc gia về công tác quản lý nhà nước và công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ; xây dựng cơ chế trao đổi kinh nghiệm, cung cấp thông tin, chế độ báo cáo, thống kê trong toàn bộ hệ thống);

- Đề xuất và phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của lực lượng cán bộ chuyên trách về sở hữu trí tuệ tại địa phương;

- Triển khai các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ trong quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp cho các địa phương (hướng dẫn xây dựng, thực hiện kế hoạch sở hữu công nghiệp, triển khai thi hành pháp luật, đào tạo cán bộ, tư vấn, hỗ trợ, khuyến khích các hoạt động sáng tạo, v.v.);

- Triển khai các biện pháp quản lý và hỗ trợ hoạt động của các tổ chức dịch vụ đại diện và giám định sở hữu công nghiệp, tổ chức phát triển tài sản trí tuệ, v.v. đảm bảo cho các tổ chức này phát triển mạnh và đúng hướng;

- Tăng cường, củng cố mối quan hệ với các tổ chức xã hội, nghề nghiệp liên quan đến hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Triển khai đồng bộ các biện pháp nâng

cao nhận thức của công chúng về sở hữu trí tuệ (thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc thi, triển lãm, hội thảo, nói chuyện chuyên đề, v.v.).

2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật

- Rà soát để kịp thời đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ, khắc phục những bất cập của hệ thống pháp luật hiện hành; bảo đảm bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với các chuẩn mực quốc tế;

- Bảo đảm tiến độ soạn thảo các văn bản, chú trọng nâng cao chất lượng, tính khả thi, tính thống nhất và tính đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức và vận hành bộ máy của Cục Sở hữu trí tuệ

Trong giai đoạn tới, Cục Sở hữu trí tuệ phấn đấu tiếp tục thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp về sở hữu công nghiệp theo quy định; khắc phục được những tồn tại trong tổ chức và hoạt động của Cục trong giai đoạn vừa qua, trên cơ sở đó phát triển Cục Sở hữu trí tuệ trở thành một cơ quan hiệu lực, hiện đại, thực hiện có hiệu quả vai trò của một tổ chức khuyến khích phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ, hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và nền kinh tế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước.

Mặt khác, nhiệm vụ quan trọng trong việc kiện toàn cơ cấu tổ chức của Cục là phải phù hợp với những định hướng của Chính phủ về chính sách tiền lương, cơ chế quản lý tài chính gắn với đặc thù của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

Nguyên tắc của việc kiện toàn là tách bạch rõ ràng hoạt động quản lý nhà nước và sự nghiệp, giữa các đơn vị có chức năng quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp để tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước và thúc đẩy tiến độ và chất lượng các hoạt động sự nghiệp của Cục, đặc biệt là công tác xử lý đơn sở hữu công nghiệp.

- Bộ máy tinh gọn, không chồng chéo; vận hành hiệu quả;

- Đảm bảo chế độ chính sách cho công chức, viên chức và người lao động.

4. Thúc đẩy xử lý đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp

- Rà soát, sửa đổi các quy chế thẩm định đơn sở hữu công nghiệp; nghiên cứu ban hành bổ sung các văn bản nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất, chuẩn mực trong công tác xử lý đơn;

- Tổng hợp, biên soạn và phát hành cẩm nang thẩm định đơn sở hữu công nghiệp;

- Xây dựng quy chế và thành lập bộ phận kiểm tra, kiểm soát chất lượng công tác thẩm định đơn sở hữu công nghiệp.

- Xây dựng và thực hiện quy định về việc công khai, minh bạch hóa quá trình thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp;

- Xây dựng và vận hành phần mềm cho phép người nộp đơn tra cứu thông tin về tình trạng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp.

5. Phát triển nguồn nhân lực

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, phát triển nguồn nhân lực là một trong những giải pháp quan trọng bởi yếu tố con người luôn là yếu tố quyết định để vận hành hệ thống sở hữu trí tuệ thành công. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực phải được thực hiện một cách đồng bộ, phù hợp với tổ chức bộ máy của Cục, chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc cần giải quyết của Cục và những dự báo về xu hướng phát triển trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Cụ thể:

- Bố trí đủ nguồn nhân lực để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Cục, đặc biệt là thẩm định viên sở hữu công nghiệp;

- Sắp xếp hợp lý nguồn nhân lực hiện có và nguồn nhân lực tuyển dụng mới: Cùng với việc cơ cấu lại bộ máy tổ chức của Cục và mô tả được công việc theo từng vị trí công tác, nguồn nhân lực hiện tại của Cục cũng phải được sắp xếp, bố trí lại cho phù hợp để nâng cao chất lượng hoạt động. Việc sắp xếp, bố trí lại nguồn nhân lực hiện tại sẽ được tiến hành trước hoặc đồng thời với việc tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực mới;

- Xây dựng quy hoạch cán bộ và kế hoạch luân chuyển cán bộ: Khắc phục tồn tại hiện nay, công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo từ cấp phòng trở lên phải được tiến hành thường xuyên và hiệu quả theo đúng yêu cầu, đảm bảo nguồn đầy đủ và có chất lượng cho đội ngũ lãnh đạo. Bên cạnh đó, công tác luân chuyển cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo và cán bộ có trình độ cho công tác pháp chế - chính sách, giải quyết khiếu nại, đào tạo cần được chú trọng và thực hiện một cách thường xuyên, bài bản.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cụ thể:

+ Xây dựng và hoàn thiện chính sách và quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Cục, bảo đảm việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ của Cục, là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cán bộ;

+ Xây dựng kế hoạch, chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn và hằng năm theo các định hướng (i) Đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng, phù hợp với yêu cầu công việc của vị trí việc làm; (ii) Chuẩn hóa chương trình đào tạo theo chức danh, đào tạo và đào tạo lại một cách toàn diện về lý luận chính trị, chuyên môn, trình độ quản lý, v.v.; (iii) Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên ngành, đồng thời chú trọng đào tạo để nâng cao phẩm chất chính trị, trình độ ngoại ngữ, tin học và năng lực thực tiễn; (iv) Kết hợp các phương thức đào tạo, bồi dưỡng hiện đại, đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tiễn, công việc của cán bộ trong Cục, trong đó bao gồm các hình thức như tổ chức lớp học, hội thảo, thảo luận nhóm, đào tạo qua công việc, đào tạo qua mạng, v.v.

6. Phát triển cơ sở hạ tầng

Để xử lý công việc một cách kịp thời, đặc biệt là đơn đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp, dự tính, đến năm 2026, số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Cục sẽ là khoảng 500 - 600 người. Điều này gây ra tình trạng thiếu chỗ làm việc. Ngoài ra, Cục cũng có nhu cầu sử dụng một số diện tích đáng kể để phục vụ chức năng lưu trữ tài liệu. Như vậy, việc xây dựng thêm chỗ làm việc của Cục là cần thiết. Hiện tại, trong kế

hoạch đầu tư trung hạn, Cục đã lập Dự án xây dựng Khu nhà làm việc phía Bắc nhà D và Dự án cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp nhà A của Cục để bổ sung chỗ làm việc cho cán bộ.

7. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Những nhiệm vụ và giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của Cục bao gồm:

- Hoàn thiện căn bản hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp, đảm bảo việc thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp nhanh chóng và chính xác, đảm bảo sự tiếp cận của công chúng đối với thông tin về quy trình xử lý đơn sở hữu công nghiệp, đồng thời lấy đó làm cơ sở cho việc phát triển hệ thống thông tin sở hữu công nghiệp:

+ Về phát triển phần mềm: Hoàn thiện và đưa vào sử dụng Hệ thống Quản trị đơn sở hữu công nghiệp WIPO IPAS do Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới hỗ trợ; xây dựng, cải tiến các phần mềm tra cứu sở hữu công nghiệp (đặc biệt hướng tới xây dựng và áp dụng các phần mềm tra cứu tự động, thông minh) phục vụ thẩm định đơn và phục vụ cung cấp thông tin cho công chúng;

+ Về phát triển phần cứng: Hoàn thành việc nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phòng máy chủ, máy chủ, mạng truyền dẫn, mạng internet đáp ứng các yêu cầu trên;

+ Về công tác vận hành hệ thống quản trị đơn đăng ký sở hữu công nghiệp: Bảo đảm công tác vận hành hệ thống quản trị đơn đăng ký sở hữu công nghiệp của Cục một cách an toàn, thông suốt, liên tục, hiệu quả cho các thẩm định viên và toàn bộ cán bộ của Cục.

- Xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống nộp đơn điện tử trực tuyến cấp độ 4, tạo tiền đề cho việc phát triển hệ thống quản trị đơn sở hữu công nghiệp dựa trên công nghệ thông tin, không sử dụng giấy:

+ Hoàn thành và đưa vào khai thác Hệ thống nộp đơn điện tử trực tuyến cấp độ 4 dựa trên việc sử dụng chứng thực

chữ ký số và thanh toán điện tử, đảm bảo hoạt động đăng ký sở hữu công nghiệp đáp ứng mức độ 4 của dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Nghị quyết 36a năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

+ Triển khai hệ thống thẩm định đơn đăng ký sở hữu công nghiệp “không giấy” (Paperless IPAS) thay thế hoàn toàn việc thẩm định dựa trên hồ sơ tài liệu giấy trong cơ quan.

- Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị làm việc cho cán bộ Cục.

8. Đảm bảo thông tin sở hữu công nghiệp

- Đảm bảo hệ thống công bố thông tin sở hữu công nghiệp vận hành chính xác, nhanh chóng phục vụ việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp của xã hội.

- Đảm bảo hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp quốc gia:

+ Thực hiện số hóa toàn bộ bản mô tả của sáng chế được cấp bằng và của đơn đăng ký sáng chế để hoàn thiện cơ sở dữ liệu sáng chế;

+ Tích hợp các tài liệu trung gian trong quá trình xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp vào các cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ mục đích tra cứu;

+ Từng bước mở rộng các cơ sở dữ liệu đối với các thông tin sở hữu công nghiệp của các nước và các tổ chức quốc tế nhằm tăng cường năng lực của hệ thống thông tin sở hữu công nghiệp của Việt Nam, qua đó hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu, khai thác tài sản trí tuệ và kinh doanh ở nước ngoài.

- Đảm bảo các công cụ tra cứu thông tin sở hữu công nghiệp đáp ứng các nhu cầu cơ bản của công chúng:

+ Đổi mới một cách cơ bản và toàn diện các công cụ tra cứu hiện nay để khai thác một cách tốt nhất các cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp của Cục;

+ Thư viện điện tử sở hữu công nghiệp (IP Lib) tích hợp các cơ sở dữ liệu mới được xây dựng với việc mở rộng các

trường tra cứu đảm bảo việc cung cấp thông tin một cách đầy đủ và kịp thời;

+ Đầu tư tập trung để phát triển Công cụ tra cứu thông tin sáng chế toàn văn (DigiPat), giúp công chúng có thể tiếp cận một cách dễ dàng nhất đối với thông tin kỹ thuật và công nghệ của Việt Nam và thế giới.

- Tăng cường xã hội hóa dịch vụ thông tin sáng chế đảm bảo khả năng tiếp cận, tra cứu, khai thác nguồn thông tin sáng chế phục vụ việc tìm kiếm sáng chế, công nghệ sẵn có để áp dụng trong sản xuất, kinh doanh một cách tốt nhất.

9. Thúc đẩy hợp tác quốc tế

Hoạt động hợp tác quốc tế cần được xây dựng và triển khai theo hướng phục vụ công tác chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ nói riêng và việc xây dựng và phát triển hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia nói chung, góp phần đẩy mạnh hoạt động thương mại và đầu tư, sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của đất nước trong giai đoạn mới. Các nhiệm vụ của hợp tác quốc tế trong giai đoạn tới bao gồm:

- Thúc đẩy việc hài hòa hóa thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp giữa quốc gia, khu vực và quốc tế:

Thúc đẩy việc hài hòa hóa về thủ tục đăng ký sở hữu công nghiệp ở cấp độ khu vực thông qua đề xuất nghiên cứu việc xây dựng các mẫu đơn đăng ký sở hữu công nghiệp chung, cơ sở dữ liệu chung, cơ sở dữ liệu về kết quả tra cứu và thẩm định sáng chế, quy chế thẩm định đơn sở hữu công nghiệp chung và chương trình đào tạo thẩm định viên chung.

- Chủ động tham gia các cơ chế quốc tế về chia sẻ công việc:

+ Nghiên cứu khả năng tham gia các Chương trình chia sẻ kết quả tra cứu và thẩm định sáng chế song phương, khu vực và quốc tế phù hợp như Chương trình ASPEC, WIPO CASE, PPH, Global Dossier System, v.v;

+ Nghiên cứu khả năng ký kết các thỏa thuận hợp tác quốc tế về sử dụng

và công nhận lẫn nhau kết quả tra cứu và thẩm định với một số Cơ quan Sáng chế quốc gia/khu vực.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế nhằm nâng cao năng lực của hệ thống sở hữu trí tuệ quốc gia và hỗ trợ thực hiện công tác chuyên môn của Cục: Tăng cường hợp tác với các nước và tổ chức sở hữu trí tuệ quốc tế để tranh thủ nguồn lực, kiến thức và kinh nghiệm quốc tế phục vụ xây dựng chính sách và pháp luật, chia sẻ thông tin sở hữu công nghiệp, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về sở hữu trí tuệ, nâng cao năng lực và hiện đại hóa Cơ quan sở hữu trí tuệ quốc gia và các cơ quan thực thi quyền, cũng như nâng cao nhận thức của công chúng về sở hữu trí tuệ.

- Bảo vệ tài sản trí tuệ của Việt Nam ở nước ngoài:

+ Xây dựng cơ chế, chính sách về bảo vệ tài sản trí tuệ của chủ thể quyền Việt Nam ở nước ngoài;

+ Phối hợp với các đơn vị, cơ quan có liên quan kiện toàn chức năng, cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực các cơ quan đại diện khoa học và công nghệ, thương mại và ngoại giao, để đẩy mạnh việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam ở nước ngoài;

+ Tích cực đàm phán xây dựng thể chế sở hữu trí tuệ quốc tế để tạo thuận lợi cho việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của người Việt Nam ở nước ngoài;

+ Tuyên truyền, cung cấp thông tin, hướng dẫn thủ tục để đăng ký và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp của doanh nghiệp và người Việt Nam ở nước ngoài.

- Tham gia tích cực và chủ động vào các diễn đàn quốc tế về sở hữu trí tuệ:

+ Tích cực, chủ động tham gia các diễn đàn về sở hữu trí tuệ trong các khuôn khổ đa phương nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, cũng như nâng cao vai trò, vị thế và hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế;

+ Tổ chức các hoạt động thông tin đối ngoại để quảng bá về hệ thống sở hữu trí tuệ và các sản phẩm được bảo hộ sở hữu trí tuệ của Việt Nam.

PHỤ LỤC

Cơ cấu tổ chức Cục Sở hữu trí tuệ qua các thời kỳ

THỜI KỲ	CƠ CẤU TỔ CHỨC
CỤC SÁNG CHẾ Giai đoạn 1982 - 1990	Giai đoạn mới thành lập, Cục chỉ bao gồm Tổ Quản lý và Tổ Thông tin. Năm 1984 bao gồm 6 tổ chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> - Tổ Quản lý pháp chế; - Tổ Xét nghiệm sáng chế; - Tổ Nhãn hiệu hàng hóa; - Tổ Thông tin; - Tổ Tư liệu; - Tổ Tổng hợp. Năm 1985 lập thêm Tổ Máy tính và thiết bị. Năm 1986 lập thêm Tổ Li xăng.
CỤC SÁNG CHẾ Giai đoạn 1990 - 1993	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Quản lý và Pháp chế - Phòng Sáng chế và Giải pháp hữu ích - Phòng Kiểu dáng và nhãn hiệu - Phòng Hành chính tổng hợp - Trung tâm Hỗ trợ sáng tạo - Trung tâm Thông tin tư liệu - Phòng Máy tính - Bộ phận Tổ chức cán bộ - Bộ phận Thiết bị
CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Giai đoạn 1993 - 1997	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Hành chính và Quản trị - Phòng Pháp chế và Quản lý - Phòng Kiểu dáng và Nhãn hiệu - Phòng Sáng chế và Giải pháp hữu ích - Phòng Đăng ký - Phòng Quan hệ quốc tế - Phòng Đào tạo - Trung tâm Thông tin, Tư liệu - Bộ phận Giải quyết khiếu nại - Bộ phận Máy tính - Bộ phận Tổ chức cán bộ <p>(Theo Quyết định số 259/TCCB ngày 08/6/1993 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu công nghiệp)</p>

<p>CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP Giai đoạn 1997 - 2003</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng Hành chính - Quản trị - Phòng Pháp chế - Quản lý - Phòng Sáng chế - Giải pháp hữu ích - Phòng Kiểu dáng công nghiệp - Phòng Nhãn hiệu hàng hóa - Phòng Đăng ký - Phòng Quan hệ quốc tế - Phòng Đào tạo - Trung tâm Thông tin - Tư liệu - Bộ phận Giải quyết khiếu nại - Bộ phận Máy tính - Bộ phận Tổ chức cán bộ <p>(Theo Quyết định số 94/TCCB ngày 28/02/1997 của Cục Sở hữu công nghiệp về việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận và lề lối làm việc của Cục Sở hữu công nghiệp)</p>
<p>CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ Giai đoạn 2004 - 2013 (18+2 đơn vị)</p>	<p>a) Các đơn vị, bộ phận quản lý nhà nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Phòng Tổ chức cán bộ - Phòng Đăng ký - Phòng Pháp chế và Chính sách - Phòng Hợp tác quốc tế - Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại - Phòng Công nghệ thông tin - Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh - Văn phòng đại diện tại Thành phố Đà Nẵng <p>b) Các đơn vị, bộ phận thực hiện hoạt động sở hữu công nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng Sáng chế số 1 - Phòng Sáng chế số 2 - Phòng Sáng chế số 3 - Phòng Kiểu dáng công nghiệp - Phòng Nhãn hiệu hàng hóa số 1 - Phòng Nhãn hiệu hàng hóa số 2 - Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo - Trung tâm Thông tin - Trung tâm Hỗ trợ và Tư vấn <p>(Theo Quyết định số 14/2004/QĐ-BKHCN ngày 25/6/2004 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ)</p> <p>* Năm 2006, thành lập Phòng Chỉ dẫn địa lý (theo Quyết định số 1250/QĐ-BKHCN ngày 01/6/2006)</p> <p>* Năm 2012, thành lập Phòng Kế hoạch – Tài chính (theo Quyết định số 450/QĐ-BKHCN ngày 22/3/2012)</p>

**CỤC
SỞ HỮU
TRÍ TUỆ**
Giai đoạn
2014 - 2018
(21 đơn vị)

- Phòng Đăng ký
- Phòng Pháp chế và Chính sách
- Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại
- Phòng Hợp tác quốc tế
- Phòng Quản lý và Phát triển hoạt động sáng tạo
- Phòng Kế hoạch – Tài chính
- Phòng Tổ chức cán bộ
- Phòng Thông tin
- Phòng Sáng chế số 1
- Phòng Sáng chế số 2
- Phòng Sáng chế số 3
- Phòng Kiểu dáng công nghiệp
- Phòng Nhãn hiệu hàng hóa số 1
- Phòng Nhãn hiệu hàng hóa số 2
- Phòng Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế
- Văn phòng Cục
- Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng Đại diện tại Thành phố Đà Nẵng
- Trung tâm Công nghệ thông tin
- Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo
- Trung tâm Phát triển tài sản trí tuệ

(Theo Quyết định số 69/QĐ-BKHHCN ngày 15/01/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ)

**CỤC
SỞ HỮU
TRÍ TUỆ**
Giai đoạn
2018 - nay
(17 đơn vị)

a) Các đơn vị, bộ phận quản lý nhà nước

- Văn phòng Cục
- Phòng Kế hoạch – Tài chính
- Phòng Tổ chức cán bộ
- Phòng Đăng ký
- Phòng Pháp chế và Chính sách
- Phòng Hợp tác quốc tế
- Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại
- Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Văn phòng đại diện tại Thành phố Đà Nẵng

b) Các đơn vị, bộ phận thực hiện hoạt động sở hữu công nghiệp

- Trung tâm Thẩm định Sáng chế
- Trung tâm Thẩm định Kiểu dáng công nghiệp
- Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu
- Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế
- Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ
- Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp
- Trung tâm Công nghệ thông tin
- Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn

(Theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ)

LÃNH ĐẠO CỤC QUA CÁC THỜI KỲ

CÁN BỘ LÃNH ĐẠO ĐÃ CÔNG TÁC TẠI CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ



LÊ TƯ

Ngày sinh	19/8/1945
Quê quán	Xã Vinh Quang, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế
Điện thoại	0913207452
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Thời gian công tác tại Cục	(12/01/1981) 29/7/1982 - 1989
Vị trí công tác trước khi chuyển	- Phó Vụ trưởng, phụ trách Phòng Sáng chế - Phát minh (01/1981 - 7/1982); - Phụ trách Cục Sáng chế (7/1982 - 01/1983); - Giám đốc Công ty Sở hữu công nghiệp (02/1983 - 1989)

AN KHANG

Ngày sinh	03/11/1933
Quê quán	Xã Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam
Điện thoại	(024) 38512183
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư luyện kim màu; Tiến sỹ thủy luyện kim loại
Thời gian công tác tại Cục	03/01/1983 - 12/1989
Vị trí công tác trước khi chuyển	Cục trưởng (1983 - 1989)





ĐOÀN PHƯƠNG

Ngày sinh	29/7/1933
Quê quán	Xã Hữu Hòa, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai khoáng; Tiến sỹ sử dụng năng lượng mỏ
Thời gian công tác tại Cục	1989 - 1996
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Cục trưởng (1989 - 1996)

PHẠM ĐÌNH CHƯỜNG

Ngày sinh	25/3/1947
Quê quán	Xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại	0913209847
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư máy tàu; Tiến sỹ chế tạo máy
Thời gian công tác tại Cục	01/9/1983 - 7/2007
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Cục trưởng (1996 - 3/2007)



TRẦN VIỆT HÙNG

Ngày sinh	23/5/1950
Quê quán	Phường Cửa Nam, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại	0913209846
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư vô tuyến điện tử
Thời gian công tác tại Cục	(01/12/1977) 29/7/1982 - 10/2011
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Cục trưởng (4/2007 - 9/2011)

TẠ QUANG MINH

Ngày sinh	01/9/1963
Quê quán	Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội
Điện thoại	0904229218
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí; Tiến sỹ luật
Thời gian công tác tại Cục	01/4/1988 - 30/11/2014
Vị trí công tác trước khi chuyển	Cục trưởng (9/2011 - 11/2014)



TRẦN VIỆT THANH

Ngày sinh	12/7/1957
Quê quán	Huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Điện thoại	0913238320
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chính xác; Tiến sỹ kinh tế đối ngoại
Thời gian công tác tại Cục	01/12/2014 - 28/02/2017
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, kiêm nhiệm Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ (12/2014 - 02/2017)



NGUYỄN VĂN VIỄN

Ngày sinh	20/10/1944
Quê quán	Xã Minh Tân, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại	0918098028
Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Kỹ sư cơ khí; Tiến sỹ luật
Thời gian công tác tại Cục	(15/02/1972) 29/7/1982 - 1992
Vị trí công tác trước khi chuyển	Phó Cục trưởng (1984 - 1992)

NGUYỄN ĐỨC THẢN

Ngày sinh	12/11/1936
Quê quán	Xã Di Sừ, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Kỹ sư luyện kim
Thời gian công tác tại Cục	(02/01/1976) 29/7/1982 - 12/1993
Vị trí công tác trước khi chuyển	Phó Cục trưởng (1986 - 1992)



HOÀNG VĂN TÂN

Ngày sinh	07/10/1954
Quê quán	Xã Tân Khang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá
Điện thoại	0913281705
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí; Thạc sỹ quản lý
Thời gian công tác tại Cục	01/01/1984 - 31/12/2014
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Phó Cục trưởng (6/2001 - 12/2014)

PHẠM PHI ANH

Ngày sinh	08/9/1955
Quê quán	Xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
Điện thoại	0934681954
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư gia công kim loại bằng áp lực; Tiến sỹ kỹ thuật
Thời gian công tác tại Cục	25/7/1983 - 30/9/2015
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Phó Cục trưởng (6/2001 - 9/2015)





TRẦN HỮU NAM

Ngày sinh	08/12/1955
Quê quán	Xã Trung Nghĩa, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại	0983221155
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện; Cử nhân luật
Thời gian công tác tại Cục	01/4/1988 - 31/12/2015
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Phó Cục trưởng (10/2008 - 12/2015)

LÊ NGỌC LÂM

Ngày sinh	06/3/1963
Quê quán	Xã Hoàng Phú, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại	0904007776
Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Kỹ sư tự động hóa đường sắt; Tiến sỹ luật
Thời gian công tác tại Cục	01/4/1988 - 30/9/2020
Vị trí công tác trước khi chuyển	Phó Cục trưởng (10/2014 - 9/2020)



PHAN NGÂN SƠN

Ngày sinh	27/10/1961
Quê quán	Xã Điện Quang, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
Điện thoại	0913573434
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ chế tạo máy
Thời gian công tác tại Cục	01/4/1985 - 30/4/2022
Vị trí công tác trước khi nghỉ hưu	Phó Cục trưởng (8/2015 - 4/2022)

CÁN BỘ LÃNH ĐẠO HIỆN TẠI



ĐINH HỮU PHÍ

Ngày sinh	21/10/1962
Quê quán	Xã Đông Trà, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình
Điện thoại	0982043896
Email	phidinhhuu@ipvietnam.gov.vn
Trình độ chuyên môn	Cử nhân triết học; Tiến sỹ triết học
Ngày về công tác tại Cục	01/3/2017
Chức vụ/Chức danh	Cục trưởng (từ 3/2017)

TRẦN LÊ HỒNG

Ngày sinh	22/4/1969
Quê quán	Phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại	0972571060
Email	tranlehong@ipvietnam.gov.vn
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật; Tiến sỹ luật
Ngày về công tác tại Cục	01/10/2004
Chức vụ/Chức danh	Phó Cục trưởng (từ 2/2019)



NGUYỄN VĂN BẢ

Ngày sinh	01/9/1970
Quê quán	Phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại	0912063078
Email	ng.vanbay@ipvietnam.gov.vn
Trình độ chuyên môn	Cử nhân luật; Thạc sỹ luật
Ngày về công tác tại Cục	01/9/1993
Chức vụ/Chức danh	Phó Cục trưởng (từ 3/2021)

SỐ LIỆU THỐNG KÊ

1. SÁNG CHẾ

Đơn đăng ký sáng chế đã nộp và bằng độc quyền sáng chế đã cấp từ 1981 đến 2021

Năm	Số lượng đơn đăng ký sáng chế đã nộp			Số lượng bằng độc quyền sáng chế đã cấp		
	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số
1981-1989	506	25	531	74	7	81
1990	62	17	79	11	3	14
1991	39	25	64	14	13	27
1992	34	49	83	19	16	35
1993	33	194	227	3	13	16
1994	22	270	292	5	14	19
1995	23	659	682	3	53	56
1996	37	971	1008	4	58	62
1997	30	1234	1264	0	111	111
1998	25	1080	1105	5	343	348
1999	35	1107	1142	13	322	335
2000	34	1205	1239	10	620	630
2001	52	1234	1286	7	776	783
2002	69	1142	1211	9	734	743
2003	78	1072	1150	17	757	774
2004	103	1328	1431	22	676	698
2005	180	1767	1947	27	641	668
2006	196	1970	2166	44	625	669
2007	219	2641	2860	34	691	725
2008	204	2995	3199	39	627	666
2009	258	2632	2890	29	677	706
2010	306	3276	3582	29	793	822
2011	301	3387	3688	40	945	985
2012	382	3577	3959	45	980	1025
2013	443	3726	4169	59	1203	1262
2014	487	3960	4447	36	1332	1368
2015	583	4450	5033	63	1325	1388
2016	560	4668	5228	76	1347	1423
2017	592	4790	5382	109	1636	1745
2018	646	5425	6071	205	2014	2219
2019	720	6800	7520	169	2451	2620
2020	1020	6674	7694	139	4180	4319
2021	1066	7469	8535	153	3538	3691
Tổng số	9345	81819	91164	1512	29521	31033

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2021

2. GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ 1989 đến 2021.

Năm	Số lượng đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp			Số lượng bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp		
	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số
1989	25	0	25	0	0	0
1990	39	25	64	23	0	23
1991	52	01	53	44	1	45
1992	32	01	33	23	1	24
1993	38	20	58	9	1	10
1994	34	24	58	18	9	27
1995	26	39	65	8	16	24
1996	41	38	79	5	6	11
1997	24	42	66	8	12	20
1998	15	13	28	3	14	17
1999	28	14	42	6	12	18
2000	35	58	93	10	13	23
2001	35	47	82	17	9	26
2002	67	64	131	21	26	47
2003	76	51	127	28	27	55
2004	103	62	165	44	25	69
2005	182	66	248	41	33	74
2006	160	76	236	45	25	70
2007	120	100	220	49	36	85
2008	116	168	284	48	27	75
2009	133	120	253	45	19	64
2010	215	84	299	35	23	58
2011	193	114	307	46	23	69
2012	198	100	298	59	28	87
2013	227	104	331	74	33	107
2014	246	127	373	66	20	86
2015	310	140	450	86	31	117
2016	326	152	478	114	24	138
2017	273	161	434	118	28	146
2018	370	187	557	290	65	355
2019	395	204	599	230	72	302
2020	485	189	674	201	77	278
2021	449	146	595	187	63	250
Tổng số	5068	2737	7805	2001	799	2800

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2021.

3. KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp và bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ 1988 đến 2021

Năm	Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp			Số lượng bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp		
	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số
1988 - 1989	58	8	66	14	0	14
1990	194	6	200	91	9	100
1991	420	2	422	219	5	224
1992	674	14	688	433	6	439
1993	896	50	946	528	21	549
1994	643	73	716	524	27	551
1995	1023	108	1131	626	85	711
1996	1516	131	1647	798	68	866
1997	999	157	1156	261	62	323
1998	931	126	1057	728	94	822
1999	899	137	1036	841	94	935
2000	1084	119	1203	526	119	645
2001	810	242	1052	333	43	376
2002	595	235	830	368	9	377
2003	447	233	680	359	109	468
2004	686	286	972	412	235	647
2005	889	446	1335	508	218	726
2006	1105	490	1595	678	497	1175
2007	1338	567	1905	896	474	1370
2008	1088	648	1736	908	429	1337
2009	1430	469	1899	747	489	1236
2010	1207	523	1730	832	320	1152
2011	1200	661	1861	807	338	1145
2012	1349	597	1946	681	440	1121
2013	1366	763	2129	852	510	1362
2014	1594	717	2311	984	650	1634
2015	1607	838	2445	841	545	1386
2016	1861	1007	2868	877	577	1454
2017	1583	1158	2741	1339	928	2267
2018	1694	1179	2873	1277	1083	2360
2019	1841	1650	3491	1234	938	2172
2020	1999	1214	3213	1110	956	2066
2021	2055	1323	3378	1196	907	2103
Tổng số	37081	16181	53258	22828	11285	34113

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2021.

4. NHÂN HIỆU

Đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp và giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp từ 1982 đến 2021

Năm	Số đơn đăng ký nhãn hiệu quốc gia đã nộp			Số giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đã cấp		
	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số
1982-1989	716	1005	1721	380	1170	1550
1990	890	592	1482	423	265	688
1991	1747	613	2360	1525	388	1913
1992	1595	3022	4617	1487	1821	3308
1993	2270	3866	6136	1395	2137	3532
1994	1419	2712	4131	1744	2342	4086
1995	2217	3416	5633	1627	2965	4592
1996	2323	3118	5441	1383	2548	3931
1997	1645	3165	4810	980	1506	2486
1998	1614	2028	3642	1095	2016	3111
1999	2380	1786	4166	1299	2499	3798
2000	3483	2399	5882	1423	1453	2876
2001	3095	3250	6345	2085	1554	3639
2002	6560	2258	8818	3386	1814	5200
2003	8599	3536	12135	4907	2243	7150
2004	10641	4275	14916	5444	2156	7600
2005	12884	5134	18018	6427	3333	9760
2006	16071	6987	23058	6335	2505	8840
2007	19653	7457	27110	10660	5200	15860
2008	20831	6882	27713	15826	7464	23290
2009	22378	6299	28677	16231	6499	22730
2010	21204	6719	27923	12313	4207	16520
2011	22402	5835	28237	15502	5938	21440
2012	22838	6740	29578	14976	5066	20042
2013	24656	6528	31184	14503	5156	19659
2014	26587	6477	33064	15378	5201	20579
2015	30476	6807	37283	14207	4133	18340
2016	34968	7880	42848	13672	4368	18040
2017	35520	8450	43970	15172	4229	19401
2018	37476	8893	46369	14492	4070	18562
2019	43647	10154	53801	22265	6555	28820
2020	47293	8286	55579	25659	8041	33700
2021	44638	8288	52926	25379	7621	33000
Tổng cộng	534716	164857	699573	289580	118463	408043

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2021.

5. NHÃN HIỆU QUỐC TẾ

Số liệu thống kê về đơn đăng ký nhãn hiệu quốc tế có chỉ định Việt Nam từ 01/01/2011 đến 31/12/2021 như sau:

Năm	Tiếp nhận	Xử lý	Bảo hộ	Từ chối
2004	3668	3668	3227	441
2005	2586	2586	2152	434
2006	3228	3228	2724	504
2007	4208	4208	3476	732
2008	4362	4362	3592	770
2009	3700	3700	2846	854
2010	4000	4000	3181	819
2011	4901	4595	3400	1195
2012	5064	4901	3577	1324
2013	6025	5064	3618	1446
2014	5627	6025	4200	1825
2015	6620	5627	4089	1538
2016	6219	6620	4786	1834
2017	7508	6219	4745	1474
2018	8977	7508	5535	1973
2019	10191	8977	6791	2186
2020	9251	10191	7688	2503
2021	9495	9243	6707	2536
Tổng cộng	105.630	100722	76334	24388

6. CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã nộp và giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý đã cấp từ 2001 đến 2021

Năm	Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã nộp			Giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý đã cấp		
	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số	Người nộp đơn Việt Nam	Người nộp đơn nước ngoài	Tổng số
2001	2	1	3	2	0	2
2002	2	0	2	0	1	1
2003	12	0	12	0	0	0
2004	3	0	3	0	0	0
2005	2	0	2	1	0	1
2006	4	1	5	2	0	2
2007	3	1	4	6	1	7
2008	7	1	8	2	0	2
2009	6	0	6	2	0	2
2010	7	0	7	6	1	7
2011	4	1	5	5	0	5
2012	7	0	7	5	0	5
2013	3	1	4	6	0	6
2014	2	0	2	5	1	6
2015	4	3	7	1	0	1
2016	9	0	9	5	2	7
2017	7	2	9	6	0	6
2018	5	1	6	9	0	9
2019	11	3	14	10	0	10
2020	22	0	22	21	1	22
2021	11	0	11	12	2	14
Tổng số	133	15	148	106	9	115

* Thời điểm để lấy số liệu thống kê tính đến 31/12/2021.

** Bên cạnh đó, theo Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA), Việt Nam cam kết bảo hộ 169 chỉ dẫn địa lý của hai đối tác này tại Việt Nam.